

cho vạn vật không có điều gì hồ-đồ hỗn-độn. « *Phủ lễ* giữ sở dĩ chương nghi biệt vi, dĩ vi dân phùng giả giả. Cố qui tiện hữu đẳng, y-phục hữu biệt, triều-đình hữu vị, tắc dân hữu sở nhượng 夫禮者, 所以章疑別微, 以為民坊者也, 故貴賤有等, 衣服有別, 朝廷有位, 則民有所讓: lễ là dùng để làm cho rõ điều ngờ, biện-bạch những điều vi-ân, lễ làm sự phòng giữ cho dân. Cho nên người sang người hèn có bậc, y-phục có phân-biệt, có chỗ triều-đình có ngôi-thứ, thì dân mới có đức nhượng ». (Lễ-ký: Phương-ký, XXX). Nếu không có lễ thì làm thế nào mà biết cách thờ trời-đất quỷ-thần cho phải, lấy gì mà phân-biệt nghĩa vua tôi trên dưới cho hợp đạo-lý? « *Dân chi sở do sinh, lễ vi đại. Phi lễ vô dĩ tiết sự thiên địa chi thần giả: phi lễ vô dĩ biện quán thần thượng hạ trường ấu chi vị giả: phi lễ vô dĩ biệt nam-nữ phụ-tử huynh-đệ chi thân, hôn-nhân sơ-sắc chi giao* 民之所由生, 禮為大. 非禮無以節事天地之神也; 非禮無以辨君臣上下長幼之位也; 非禮無以別父子兄弟之親, 婚姻族黨之交也: trong những cái của dân cây mà sinh-hoạt thì lễ là to hơn cả. Không có lễ thì không có thể thờ thần của trời đất cho có thứ bậc; không có lễ thì không biện-biệt ngôi vua tôi, trên dưới, lớn bé; không có lễ thì không có thể phân-biệt cái lòng thân của trai gái, cha con, anh em, sự giao-tiếp về việc hôn-nhân, về người thân hay người sơ ». (Lễ-ký: Ai-công-vấn, XXVII). Lễ dùng về phương-diện phân tôn-ti trật-tự, tức là phép tắc đề tở-chức luân-lý ở trong gia-đình, xã-hội và quốc-gia vậy.

4. Chủ-đích thứ tư là đề tiết-chế cái thường tình của người ta. Sách Lễ-ký, thiên Nhạc-ký nói rằng: « *Nhân sinh nhi tĩnh, thiên chi tính giả. Cảm ư vật nhi động, tính chi dục giả. Vật chi tri tri, nhiên hậu hiếu ố hình yên. Hiếu ố vô tiết ư nội, tri dụ ư ngoại, bất năng phản cung thiên-lý diệt hỹ* 人生而靜, 天之性也. 感於物而動, 性之欲也. 物至知知, 然後好惡形焉. 好惡無節於內, 知誘於外,

不能反躬, 天理滅矣: người ta sinh ra vốn tĩnh, đó là tính trời. Cảm với vật ở ngoài mà động, là cái muốn của tính. Vật đến thì cái biết của mình biết, nhiên hậu cái hiếu, cái ố, mới hình ra. Cái hiếu, cái ố mà không có tiết-chế ở trong, cái biết của mình bị ngoại-vật dẫn-dụ, cứ thế mà không nghĩ lại, thì thiên-lý tiêu-diệt vậy ». Cứ theo Khổng-giáo thì người ta bẩm-thụ cái tính của Trời, cái tính ấy cảm-xúc với ngoại-vật mà động; tính động thành ra tình. Tình thì ai cũng có nhưng nếu không có cái gì để tiết-chế, thì rồi bị ngoại-vật làm cho đến mất cái thiên-tính đi. Bởi vậy Khổng-tử nói: « *Phủ lễ, tiên-vương dĩ thừa thiên chí đạo, dĩ trị nhân chi tình* 夫禮, 先王以承天之道, 以治人之情: lễ là tiên-vương vâng theo cái đạo của Trời để trị cái tình của người » (Lễ-ký: Lễ-vận, IX).

Khổng-giáo vốn lấy tình-cảm làm trọng, nhưng vẫn biết cái tình-cảm của người thường mà không có hạn-chế thì thành hư-hồng. Khổng-tử nói: « *Trung nhân chi tình hữu dư tắc xỉ, bất túc tắc kiếm, vô cấm tắc dâm, vô độ tắc thất, túng dục tắc bại. Cố ẩm thực hữu lượng, y-phục hữu tiết, cung thất hữu độ, súc tỵ hữu số, xa khí hữu hạn, dĩ phòng loạn chi nguyên giả* 中人之情, 有餘則侈, 不足則慙, 無禁則淫, 無度則失, 縱欲則敗. 故飲食有量, 衣服有節, 宮室有度, 蓄聚有數, 車器有限, 以防亂之源也: cái thường tình của hạng người trung-nhân, hễ có thừa thì xa-xỉ, không đủ thì sèn, không ngăn-cấm thì dâm-dăng, không theo tiết-độ thì sai-lầm, buông-thả lòng dục thì hư-hồng. Cho nên ẩm-thực phải có hạn-lượng, y-phục phải có tiết-chế, cửa-nhà phải có pháp-độ, súc-tỵ phải có số thường, xe-cộ và đồ dùng phải có ngữ có hạn, là để giữ phòng cái nguồn loạn vậy » (Khổng-tử tập-ngữ: Tề-hầu vấn, XIII). Vì vậy mới theo thường tình của người ta mà đặt ra văn-về để giữ cho người ta khỏi làm bậy: « *Lễ-giả, nhân nhân chi tình nhi vi chi tiết văn, dĩ vi dân phùng giả* 禮者, 因人之情而為之節文, 以為民坊者也: lễ

là nhân cái thường-tĩnh của người ta mà đặt ra tiết-dộ; văn-vẻ, đề làm cái ngăn-giữ cho dân». (*Lễ-ký: Phưong-ký, XXX*). Nhưng cái tĩnh của người ta thường ẩn-khuất ở trong bụng không sao biết được, chỉ có dùng lễ thì mới ngăn-giữ được mà thôi: «*Ẩm thực, nam nữ, nhân chi đại dục tồn yên; tử vong, bần khổ, nhân chi đại ố tồn yên. Cố dục ố giả, tâm chi đại đoan giả, nhân tàng kỳ tâm, bất khả trắc đạt giả; mỹ ác giai tại kỳ tâm, bất kiến kỳ sắc giả. Dục nhất dĩ cùng chi, xả lễ hà dĩ tại* 飲食, 男女, 人之大欲存焉; 死亡, 貧苦, 人之大惡存焉. 故欲惡者, 心之大端也, 人蔽其心, 不可測度也; 美惡皆在其心, 不見其色也. 欲一以窮之, 舍禮何以哉: cái đại-dục của người ta là ở việc ăn-uống trai gái, bao giờ cũng có, cái đại-ố của người ta là ở sự chết mất, nghèo khổ, bao giờ cũng có. Cho nên dục, ố, là cái mối lớn của tâm vậy, người ta giấu kín cái tâm không thể dò-xét được; cái hay cái dở đều ở cả trong tâm, không hiện-hiện ra ngoài. Nếu muốn tóm lại làm một đề biết cho cùng mà bỏ lễ thì lấy gì mà biết được». (*Lễ-ký: Lễ-văn, IX*). Đế-vương đời trước sở dĩ trị được thiên-hạ, là vì hiểu rõ cái tình của người ta, cho nên mới đặt ra lễ và nghĩa để phân-biệt cái lợi cái hại, để trị thất tình là hỷ, nộ, ái, cụ, ái, ố, dục, sửa thập nghĩa là phụ từ, tử hiếu, huynh lượng, đệ để, phu nghĩa, phụ thỉnh, trưởng huệ, ấu thuận, quân nhân, thần trung, giảng điều tin, sửa sự hòa-thuận, chuộng sự từ-nhượng, bỏ sự tranh cướp. (*Lễ-văn, IX*).

Sự giáo-hóa của lễ tinh-vi lắm và có hiệu-quả rất sâu-xa: «*Lễ chi giáo-hóa giả vi, kỳ chỉ tà giả ư vị hình, sử nhân nhật tử thiện, viễn tội, nhi bất tự tri giả* 禮之教化也微, 其止邪也於未形, 使人日徙善, 遠罪, 而不自知也: sự giáo-hóa của lễ rất cơ-mầu, ngăn-cấm điều bậy ngay lúc chưa hình ra, khiến người ta ngày ngày đến gần điều thiện, tránh xa điều tội, mà tự mình không biết». (*Lễ-ký: Kinh-giải, XXVI*). Vì thế cho nên thánh-nhân rất chuộng lễ: Phù lễ cấm loạn chi sở do sinh, do phưong chỉ thủy

chỉ tự lai giả 夫禮禁亂之所由生, 猶坊止水之自來也: lễ là cấm sự loạn sinh ra, như đường đề giữ cho nước không đến vậy». (*Lễ-ký: Kinh-giải, XXVI*). Người giàu-sang biết lễ thì không dâm-tà, không kiêu-căng; người bần-tiện biết lễ thì không nản chí, không làm bậy. Người làm vua làm chúa có biết lễ thì mới biết trị nước yên dân. Nói rút lại: «*Lễ chi ư chính quốc giả, do hành chi ư khinh trọng giả, thăng mặc chi ư khức trực giả, qui củ chi ư phưong viên giả* 禮之於正國也, 猶衡之於輕重也, 繩墨之於曲直也, 規矩之於方圓也: lễ đối với việc sửa nước cũng như cái cân đối với việc nặng nhẹ, cái dây đối với vật thẳng vật cong, cái qui cái củ đối với vật tròn vật vuông vậy». (*Lễ-ký: Kinh-giải, XXVI*).

Xét kỹ bốn cái chủ-đích đã nói trên kia, thì biết rõ tác-dụng của lễ thật là quảng-đại, thật là tinh-vi, đủ chứng là tâm-lý-học của Khổng-giáo sâu-xa vô cùng. Hồ Thích-Chi nói trong sách «*Trung-quốc triết-học-sử*» rằng: «*Trong cái nghĩa rộng chữ lễ có hàm cái tính-chất pháp-luật, nhưng lễ thì thiên trọng về cái qui-củ tích-cực, mà pháp-luật thì thiên trọng về cái cấm-chế tiêu-cực. Lễ thì dạy người ta nên làm điều gì và không nên làm điều gì; pháp-luật thì cấm không cho làm những việc gì, hễ làm thì phải tội. Người làm điều trái lễ thì chỉ bị người quân-tử chỉ-nghị chê-cười, chứ người làm trái pháp-luật thì có hình-pháp xét xử*». Lời ấy nói riêng về cái chủ-đích thứ tự thì rất phải lắm.

Dùng lễ có lợi hơn là có thể ngăn-cấm được việc chưa xảy ra, mà dùng pháp-luật thì chỉ đề trị cái việc đã có rồi, bởi vậy thánh-nhân chỉ trọng lễ, chứ không trọng hình: «*Phàm nhân chi tri, năng kiến dĩ nhiên, bất kiến tương nhiên. Lễ giả cấm ư tương nhiên chi tiền, nhi pháp giả cấm ư dĩ nhiên chi hậu... Lễ văn, lễ văn, qui tuyệt ác ư vị manh, nhi khởi kinh ư vị điều, sử dân nhật tử thiện viễn tội nhi bất tự tri giả* 凡人之知, 能見

已然，不見將然。禮者禁於將然之前，而法者禁於已然之後... 禮云，禮云，齊絕惡於未萌，而起敬於微眇，使民日徙善遠罪而不自知也： phạm cái biết của người ta chỉ biết cái đã có rồi, không biết được cái sắp có. Lễ là để cấm trước cái sắp có, pháp-luật là để cấm sau cái đã có rồi... Lễ vậy, lễ vậy, lễ qui là dứt được điều ác từ lúc chưa nảy mầm ra, dấy lòng kính ở chỗ người ta không trông thấy, để cho dân ngày ngày đến gần điều thiện, xa điều tội, mà tự mình không biết». (Đại-Đái Lễ-ký: Lễ-lễ).

Nhạc 樂. Cả kinh Nhạc của Khổng-tử đã định ra nay chỉ còn có một ít trong thiên Nhạc-ký, chép ở trong bộ Lễ-ký. Tuy vậy, nhưng xem kỹ thiên ấy, thì cũng có thể hiểu được nghĩa chữ nhạc theo như ý của cổ-nhân. «Nhạc giả âm chi sở do sinh giả 樂者音之所由生也: nhạc là do âm mà sinh ra». Âm khởi phát ra từ ở lòng người. Lòng người cảm ở ngoại-vật mà động, cho nên mới hình ra ở cái thanh. Những thanh tương-ứng với nhau rồi biến ra thành thương, tức là thành cung-bạc trong-đục cao-thấp, gọi là âm. Âm chia ra làm năm bậc là: cung, thương, giốc, chủ, vũ (9). Đem các âm so vào những nhạc-khi để đánh ra tiếng. Những tiếng: kim thạch ti trúc, những đồ mùa: can 干 (khiên), thích 戠 (búa), vũ 羽 (lông chim sả), mao 毛 (lông đuôi bò), và những thi phù ca vịnh, gồm tất cả gọi là nhạc. Vậy nghĩa chữ nhạc là nói chung cả chuông - trống, đàn - địch mùa hát và văn thơ.

Nhạc với lòng người cảm - hóa lẫn nhau: một là bởi lòng người cảm-xúc ngoại cảnh mà thành ra tiếng nhạc; hai là tiếng nhạc cảm lòng người rồi khiến lòng người theo tiếng nhạc mà biến đi. Như khi ngoại cảnh đau-dớn thì lòng người thương-xót, trong lòng đã thương-xót thì

(9) Năm âm ấy theo luật Hoàng-cung gọi là năm chính thanh và hai biến thanh là biến cung và biến chủ, có khi gọi là thanh văn và thanh vũ. Gồm tất cả là 7 thanh. Nhưng khi nói âm-nhạc thì thường thanh chỉ 5 âm chính, chứ không nói 7 thanh.

thanh - âm nghe tiêu-sái; khi ngoại cảnh tốt-lành, tất là trong lòng vui-vẻ thì thanh - âm nghe thông-thả, êm-dềm; khi ngoại cảnh thỏa-thích, trong lòng hớn-hở thì thanh - âm nghe hể-hả; khi ngoại cảnh có điều không lành, trong lòng tức giận thì thanh - âm nghe thô-thiển dữ-tợn; khi ngoại cảnh trông thấy tôn-nghiêm thì thanh - âm nghe chính-trực, nghiêm-trang; khi ngoại cảnh làm cho sinh ra lòng yêu-mến thì thanh - âm nghe dịu-dàng hòa-nhã.

Tâm-tính người ta vốn sẵn của Trời phú cho, nhưng hình-dục thì do sự cảm-xúc với ngoại-vật mà thành ra. «Phù dân hữu huyết-khi tâm-trí chi tính, nhi vô ai lạc hỉ nộ chi thường. Ứng cảm khởi vật nhi động, nhiên hậu tâm thuật hình yên 夫民有血氣心知之性，而無哀樂喜怒之常。應感起物而動，然後心術形焉: phạm người là ai cũng có cái tính bởi huyết-khi tâm-trí sinh ra, mà cái tính ai lạc hỉ nộ chi thường. Sự ứng-cảm khởi ở ngoại-vật mà động, rồi cái tâm-thuật mới hình rõ ra» (Nhạc-ký, XIX). Thành-nhân cho nhạc thanh thiện ác đều do ở cả lòng người. Lòng người cảm điều thiện thì do thiện-thanh ứng; cảm điều ác thì ác thanh ứng. Sự thiện ác của nhạc là bởi lòng người mà sinh ra, rồi lại cảm lòng người mà khiến cho thành ra thiện hay ác. Thí-dụ như nhạc thanh thiện cảm người thì lòng người hóa đi mà làm điều thiện; nhạc thanh ác cảm người thì lòng người theo mà làm điều ác. Thành thử nhạc do ở lòng người thiện hay ác mà sinh ra, rồi lại cảm lòng người mà khiến người làm điều thiện hay điều ác. Nhạc có cái thế-lực quan-trọng như thế, cho nên đế-vương đời trước chú-ý về việc dùng nhạc để hóa lòng người, khiến cho được chí thiện chí mỹ.

Các tác-dụng của nhạc cốt hòa thanh - âm cho tao - nhã, đề di - dưỡng tính - tình. Cho nên Khổng-tử nói: Trí nhạc dĩ trị tâm, tắc dĩ trực từ lượng chí tâm du du nhiên sinh hỷ 致樂以治心，則易直慈諒之心油然而生矣:

xét cho cùng các lễ về nhạc đề trị lòng người, thì cái lòng giản-dị, chính-trực, từ-ái, thành-tin, tự-nhiên phơi-phới mà sinh ra » (*Lễ-ký: Tế-nghĩa, XXIV*). Thánh-nhân biết nhạc có cái thể-lực rất mạnh về đường đạo-đức, cho nên mới chế nhạc đề dạy người. « Nhạc giả giả, thánh-nhân chi sở lạc giả, nhi khả dĩ thiện dân tâm, kỳ cảm nhân thâm, kỳ dĩ phong dịch tục, cổ tiên-vương trứ kỳ giáo yển 樂也者, 聖人之所樂也, 而可以善民心, 其感人深, 其移風易俗, 故先王著其教焉: nhạc là cái vui của thánh-nhân, mà khả khiến cho lòng dân trở nên tốt lành, có thể cảm lòng người rất sâu và di phong dịch tục được, cho nên tiên-vương mới đặt ra dạy nhạc » (*Nhạc-ký, XIX*).

Nhạc cũng như lễ, rất có ảnh-hưởng về đường chính-trị. Thanh âm chi đạo, dĩ chính thông hỹ 聲音之道, 政通矣: đạo thanh-âm thông với chính-trị vậy » (*Nhạc-ký, XIX*). Hễ chính-trị hay thì nghe tiếng nhạc hay, chính-trị dở thì nghe tiếng nhạc dở. Thí-dụ: âm-nhạc đời trị thì nghe yên-tĩnh, vui-vẻ, âm-nhạc đời loạn thì nghe oán-giận tức-tối, âm-nhạc lúc mất nước thì nghe bi-ai sâu-thâm v. v. Bởi thế cho nên nói rằng: « Thầm nhạc dĩ tri chính 審樂以知政: xét cho kỹ âm-nhạc để biết chính-trị hay dở » (*Nhạc-ký, XIX*).

Dùng nhạc cũng như dùng lễ, phải vụ lấy giữ đạo trung. Nhạc đề khiến người ta đồng vui, đồng thương. Nhưng vui hay thương vẫn phải lấy điều-hòa làm chủ. Khổng-tử nói: « Lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương 樂而不淫, 哀而不傷: vui mà không dâm, thương mà không hại » (*Luận-ngữ: Bát-dật, III*). Ý ngài nói: nhạc là để điều-hòa tình-tính, dầu vui thế nào cũng không mất cái chính, mà buồn thế nào cũng không mất cái hòa, cốt cho thích-hợp đạo trung mới được.

Đại-đề lễ và nhạc có cái chủ-dịch chung là sửa - đổi tâm-tính cho ngay-chính, bồi-dưỡng tình-cảm cho thật hậu. Song lễ và nhạc mỗi bên lại có cái chủ-dịch riêng là

lễ cốt ở sự cung-kính, để giữ trật-tự cho phân-minh, nhạc cốt ở sự điều-hòa, để khiến tâm-tính cho tao-nhã. Hai bên dung-hòa với nhau thì mới hoàn-toàn được. Nếu có lễ mà không có nhạc thì nhân-quần ở với nhau thành ra phân-biệt thái-quá, nhân-tính bất thông; có nhạc mà không có lễ thì thành ra lưu-dãng khinh-nhờn. Vậy nên có lễ phải có nhạc, để cái nọ chế cái kia cho thành điều-hòa. « Nhạc giả vi đồng, lễ giả vi dị. Đồng tắc tương thân, dị tắc tương kính. Nhạc thăng tắc lưu, lễ thăng tắc ly. Hợp tính sức mao giả, lễ nhạc chi sự giả 樂者為同, 禮者為異. 同則相親, 異則相敬. 樂勝則流, 禮勝則離. 合性修貌者, 禮樂之事也: nhạc là làm cho hợp-đồng, lễ làm cho phân-biệt. Hợp-đồng thì tương thân nhau, phân-biệt thì tương kính nhau. Dùng nhạc quá thì thành ra lưu-dãng, dùng lễ quá thì phân-ly cách-biệt mất cái tình thân-ái. Thích-hợp tính-tính, trang-sức dung-mạo là việc của lễ-nhạc vậy » (*Nhạc-ký, XIX*).

Nhạc có cái ý nghĩa rất là sâu-xa, cái thể-lực rất mạnh về đường đạo-đức, vì một đường thì khiến tâm-tính ở trong, một đường thì khiến sự hành-vi ở ngoài, cốt cho trong hòa ngoài thuận. « Nhạc giả giả, động ư nội giả giả, lễ giả giả, động ư ngoại giả giả. Nhạc cực hòa, lễ cực thuận 樂也者, 動於內者也, 禮也者, 動於外者也. 樂極和, 禮極順: nhạc là động ở trong, lễ là động ở ngoài. Cái cùng-cực của nhạc là hòa, cái cùng-cực của lễ là thuận » (*Nhạc-ký, XIX*). Hòa là điều-hòa tính-tính, mà thuận là thuận-hợp nghĩa-lý. Nếu trong lòng mà tính-tính điều-hòa và ở ngoài mà sự hành-vi thuận-hợp nghĩa-lý, thì cái tà-tâm vọng-niệm còn vào thế nào được lòng người ta nữa. Vậy nên thánh-nhân dạy người cốt lấy lễ-nhạc làm trọng.

Cứ theo tông-chỉ của Nho-giáo thì lễ và nhạc có cái địa-vị rất trọng-yếu về đường chính-trị, vì đế-vương đời trước cho việc chính-trị và việc giáo-hóa cùng theo một chủ nghĩa. « Lễ dĩ đạo kỳ chi, nhạc dĩ hòa kỳ thanh, chính dĩ nhất kỳ hành, hình dĩ phòng kỳ gian. Lễ nhạc hình

chính, kỳ cực nhất già, sở dĩ đồng dân tâm, nhi xuất trị đạo già 禮以道其志, 樂以和其聲, 政以一其行, 刑以防其姦. 禮樂刑政, 其極一也, 所以同民心, 而出治道也: lễ để khiến cái chí, nhạc để hòa cái thanh, chính-trị để tề-nhất việc làm, hình-phạt để ngăn-cấm sự gian-tà. Lễ nhạc hình-chính tuy khác nhau, nhưng rút lại đến chỗ cực cùng là một, là khiến lòng dân đồng cả về việc thiện, để cho ra đạo trị vậy ». (Nhạc-ký, XIX). Không có lễ-nhạc để sửa lòng người cho ngay-chính, hòa-thuận, thì việc chính-trị thành ra hà-khốc, bạo-ngược, không phải là vương-dạo. « Lễ tiết dân tâm, nhạc hòa dân thanh, chính dĩ hành chí, hình dĩ phòng chi. Lễ nhạc hình-chính, tứ đạt nhi bất bất, tắc vương đạo bị hỹ 禮節民心, 樂和民聲, 政以行之, 刑以防之. 禮樂刑政, 四達而不悖, 則王道備矣: lễ để tiết chế lòng dân, nhạc để hòa thanh-âm của dân, chính-trị để định việc làm, hình-pháp để ngăn-cấm điều bất. Lễ-nhạc hình-chính, bốn việc ấy đạt cả, không thiếu điều nào, thì vương-dạo đủ vậy ». (Nhạc-ký, XIX). Không-từ tin sự dùng lễ-nhạc có công-hiệu rất lớn, cho nên mới nói: « Quân tử minh ư lễ-nhạc, cử nhi thổ chí nhi dĩ 君子明於禮樂, 舉而措之而已: người quân-tử mà biết rõ lễ-nhạc, thì chỉ đem thi-thổ ra là đủ mà thôi » (Lễ-ký: Khổng-tử yển-cư, XXVIII).

Lễ-nhạc quan-hệ đến việc giáo-hóa và việc chính-trị mật-thiết như thế, cho nên xưa nay những người nho-học rất sùng-thượng lễ-nhạc. Song vì người đời sau câu-nệ cái hình-thức bề ngoài, dần dần bỏ mất cái thâm-ý mà chỉ giữ lấy cái phiền văn. Đến nay lễ thì thành phiền-toái, mà nhạc thì không tiến-hóa được. Lễ là cốt lấy sự kính làm gốc, nhạc cốt lấy sự hòa làm gốc. Nếu lễ mà không kính, nhạc mà không hòa, dầu bề ngoài có giữ được đủ các lễ-lối, thì cũng không có ích-lợi gì cho sự tiến-hóa của người ta. Khổng-tử than rằng: « Lễ vân, lễ vân, ngọc bạch vân hồ tai! Nhạc vân, nhạc vân, chung cổ vân hồ tai! 禮云, 禮云,

玉也, 樂云, 樂云, 鐘鼓云乎哉! : Lễ vậy, lễ vậy, ngọc lụa vậy hay sao! Nhạc vậy, nhạc vậy, chuông trống vậy hay sao! » (Luận-ngữ: Dương-hóa, XVII). Nghĩa là: ngọc lụa là đồ lễ, nhưng có lễ mà không có kính, thì lễ ra gì; chuông trống là đồ nhạc, nhưng có nhạc mà không có hòa, thì nhạc ra gì. Lời ấy thật là chứng rõ cái tông-chỉ của Ngài dùng lễ-nhạc trọng về tinh-thần là bao nhiêu! Nhưng dầu lễ-nhạc hay thế nào mặc lòng, người mà không có nhân, thì cũng không có hiệu-quả gì. Có nhân, tức là có thanh-cảm rất hậu, có trực-giác rất mẫn-nhuệ, rồi lấy lễ-nhạc mà khiến thì công-dụng của lễ-nhạc rất hay. Nếu không có nhân mà dùng lễ-nhạc, thì chỉ là một cái hư-văn mà thôi. Bởi vậy Khổng-tử nói: « Nhân nhi bất nhân như lễ hà? Nhân nhi bất nhân như nhạc hà? 人而不仁如禮何? 人而不仁如樂何?: người mà không có nhân thì dùng lễ sao được? Người mà không có nhân, thì dùng nhạc sao được? » (Luận-ngữ: Bân-dật, III).

Vậy lễ-nhạc cũng như hiếu-đễ, cốt ở đạo nhân. Người có nhân là người quân-tử hoàn-toàn, có phẩm-giá tôn-quí, làm việc gì cũng thích-hợp với lễ trời và có thể để làm tiêu-chuẩn cho người ta theo.

IV. CHÍNH - TRỊ

Quan-niệm về chính-trị. Đạo của Khổng-tử cốt lấy đạo nhân làm gốc: lấy hiếu-đễ, lễ-nhạc làm cơ-bản cho sự giáo-hóa, để gây thành đạo nhân; lấy chính-trị làm cái công-dụng của đạo nhân mà thi-thổ ra ở đời. Ngài nói rằng: « Nhân đạo mẫn chính, địa đạo mẫn thụ. Phù chính giả già, bồ lư già. Cố vi chính tại nhân; thủ nhân dĩ thân, tu thân dĩ đạo, tu đạo dĩ nhân 人道敏政, 地道敏樹, 夫政者, 蒲盧也. 故為政在人; 取人以身, 修身以道, 修道以仁: cái nhanh thành-hiệu của đạo người là việc chính-trị, cái nhanh thành-hiệu của đạo đất là sự mọc cây-cối. Ấy

việc chính-trị cũng như cây lau cây sậy vậy. Cho nên làm việc chính-trị cốt ở dùng người hiền; sửa mình, mà dùng người hiền, lấy đạo mà sửa mình, lấy nhân mà sửa đạo. (*Trung-dụng*). Nghĩa là việc chính-trị cốt ở đạo nhân; lấy nhân mà sửa đạo, lấy đạo mà sửa mình. Có sửa được mình cho ngay chính, thì những kẻ hiền-tài mới theo mà giúp mình, có người hiền-tài giúp mình thì việc chính-trị cốt chóng có công-hiệu, khác nào như đốt đất thì cây cỏ mọc lên chóng vậy. Đạo nhân vốn là cái gốc của việc chính-trị, cho nên thánh-hiền cần lấy sửa mình cho đến bậc nhân để đem cái đạo của mình mà thi-hành ra khắp thiên-hạ. Xem thế thì biết cái đạo của Khổng-giáo là đề hành-dộng, chứ không phải đề im-lặng ngồi yên mà ngắm cảnh đời. Việc hành-dộng của người ta không gì bằng việc chính-trị, vì chính-trị quan-hệ đến sự hay dở của nhân-quần, sự trị-loạn của thiên-hạ. Cho nên Ngài nói: « Nhân đạo chính vi đại 人道政為大: đạo người thì chính-trị là lớn ». (*Lễ-kỷ: An-công-văn, XXVII*). Ngài có tư-tưởng như thế, nên chỉ Ngài muốn rằng những người có tài, có đức, phải đem cái hay, cái giỏi của mình ra trị nước yên dân.

Đây ta phải biết rằng quan-niệm của Nho-giáo về đường chính-trị cho sự trị-loạn trong xã-hội do ở người hành-chính, chứ không phải ở chính-thể. Người hành-chính mà có tài, có đức, thì nước được trị; người hành-chính không có tài, không có đức, thì nước phải loạn. Dầu chính-thể hay đến đâu mà người hành-chính không ra gì, thì cũng hóa ra dở. Khổng-tử nói rằng: « Văn Vũ chi chính bố tại phương sách; kỳ nhân tồn, tắc kỳ chính cử, kỳ nhân vong, tắc kỳ chính tức 文武之政布在方策, 其人存, 則其政舉, 其人亡, 則其政息: việc chính-trị của vua Văn vua Vũ bày ra ở trong sách. Nếu những người như vua Văn vua Vũ còn, thì cái chính-trị ấy thi-hành ra, nếu những người ấy mất, thì cái chính-trị ấy hư-hỏng ». (*Trung-dụng*). Vậy việc chính-trị hay dở cốt ở người hành-chính.

Hỏi thế cho nên Nho-giáo muốn rằng lúc nào người cầm quyền hành-chính cũng phải kính-cần, lo sửa mình cho ngay-chính, để dùng người hiền mà làm việc nước, việc dân (10).

Việc chính-trị là việc khó, người có trách-nhiệm trị nước trị dân cần phải lấy sự kinh-nghiệm làm trọng, phải xem-xét cái đạo của thánh-hiền đời trước là thế nào, rồi mới có thể theo mà sửa-đổi mọi việc được. Vì rằng thánh-hiền là bậc rất thông-minh, hiểu rõ thiên-lý, đạt được nhân-sự, biết lấy điều nhân-nghĩa lễ-trí mà trị dân trị nước. Những công-việc của các bậc ấy tích-lũy đã lâu đời và đã kinh-nghiệm nhiều lần, rất có ích-lợi cho nhân-chúng. Nếu ta suy-xét cho kỹ, rồi cứ tuân-tự theo trình-độ tiến-hóa của xã-hội mà thay-đổi cho hợp thời và thuận lý, thì chắc có thể làm cho thiên-hạ đỡ được nhiều điều khổ-não. Bởi vậy Khổng-tử rất chú-ý về việc khảo-cứu những kinh-sách của thánh-hiền đời cổ, và suốt đời Ngài muốn đem cái đạo của Ngài mà thi-hành ra để định rõ danh và phân, khiến cho việc chính-trị có gương-mối hợp với đạo-lý. Nhưng sau Ngài thấy các vua-chúa không ai dùng, Ngài mới về làm bộ sách *Xuân-thu* để bày-tỏ ý-kiến của Ngài về đường chính-trị, chủ ở mấy điều là: chính

(10) Cái quan-niệm ấy khác với quan-niệm của người phương Tây. Nhất là người đời nay cho cuộc trị loạn trong nước là do ở cái chính-thể chứ không phải ở cái đức của người hành-chính. Hễ chính-thể tốt thì người hành-chính tức phải theo chính-thể mà hành-dộng, cốt có đủ tài-năng thì thôi. Xét ra bên Đông bên Tây, đều thiên hẳn về một mặt thì bên nào cũng có điều bất tiện. Vì rằng có cái chính-thể tốt song người hành-chính không ra gì thì rồi cũng hóa ra dở mà có người hành-chính tốt nhưng vì chính-thể dở làm cho người có tài có đức không thi-thố ra được để cho những kẻ giả nhân giả nghĩa làm bậy, thì cũng hỏng. Cứ lẽ trung, thì cần phải có chính-thể tốt và người hành-chính tốt. Nhưng trước sau vẫn cần có người nhân-nghĩa trung-chính mới hay được. Vậy lấy đạo mà sửa mình vẫn là việc trọng-yếu trong việc chính-trị.

danh-tự, định danh-phận, tôn quân-quyền. Những điều ấy thuộc về cái học tâm-truyền cho nên Ngài không nói rõ, chỉ mượn lối làm sử mà hình-dung ra. Về sau những môn đệ Ngài, ai đã lĩnh-hội được cái vi ý của Ngài, mới đem truyền-bá ra ở đời.

Chính danh định phận. Khổng-tử cho việc chính-trị hay hay dở do ở người cầm quyền. Người cầm quyền biết theo đường ngay-chính để sửa đạo nhân thì việc gì cũng thành ra ngay-chính cả. Ngài bảo Quí Khang-tử rằng: « *Chính giả chính giả, tử suất dĩ chính, thực cầm bất chính* 正也, 子帥以正, 孰敢不正? : chính-trị là làm mọi việc cho ngay-thắng, ông lấy ngay-thắng mà khiến người, thì ai dám không ngay-thắng? » (*Luận-ngữ: Nhan-Uyên, XII*). Hễ người trên đã ngay-chính thì người dưới ắt là phải theo mà bắt-chước. Vậy nên mới nói: « *Kỷ thân chính, bất lệnh nhi hành, kỷ thân bất chính, tuy lệnh bất tòng* 其身正, 不令而行, 其身不正, 雖令不從 : mình ngay-chính thì không sai-khiến người ta cũng làm, mình không ngay-chính thì tuy có sai-khiến cũng không ai theo ». (*Luận-ngữ: Tử-Lộ, XIII*).

Người trên phải giữ mình cho ngay-chính và làm việc gì cũng phải giữ cái danh cho chính-định. Một hôm thầy Tử-Lộ hỏi Khổng-tử: « *Giả như vua nước Vệ cậy thầy sửa việc chính-trị, thì thầy làm việc gì trước?* » Khổng-tử trả lời: « *Tất giả chính danh hồ* 必也正名乎 : ắt là phải sửa cái danh cho mình. — Có đâu thế, thầy nói vu-khoát quá. Sửa danh cho chính để làm gì? — Người quê lắm thay! Người quân-tử điều gì mà chưa biết rõ thì đừng nói vội. Danh không chính thì nói không xuôi, nói không xuôi thì việc không thành (*Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành* 名不正則言不順, 言不順則事不成). Cho nên quân-tử danh chính ắt là khá nói được, nói được ắt là khá làm được. Bởi vậy quân-tử giữ lời nói không có cầu-thả bao giờ ». (*Luận-ngữ:*

Tử-Lộ, XIII). Những lời ấy giải rõ nghĩa cái tông-chỉ chính-dang của Khổng-tử về đường chính-trị, ta nên chú-ý mà xét cho kỹ.

Cái tông-chỉ ấy Khổng-tử đã phụ-diễn ra ở sách *Xuân-thu*. Ngài sở dĩ dụng tâm làm bộ sách ấy là cốt để bày-tỏ cái nghĩa chính danh, định phận, khiến cho sự ngôn-luận có tiêu-chuẩn rõ-ràng, nói điều gì không mập-mờ rối-loạn, và làm cho kẻ gian người ngay bày rõ ra, ai cũng biết mà phê-bình phán-đoán cho khỏi sai-lầm.

Danh-tự đã chính, thì việc gì có nghĩa-lý việc ấy, những điều tà-thuyết không làm mờ-tối được chân-lý. Danh-phận đã định rõ, thì người nào có địa-vị chính-dang người ấy, trên ra trên, dưới ra dưới, trật-tự phân-minh. Vua có phận vua, tôi có phận tôi: « *Quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung* 君使臣以禮, 臣事君以忠 : vua lấy lễ mà khiến tôi, tôi lấy trung mà thờ vua ». (*Luận-ngữ: Hột-dật, III*). Một nước thịnh-trị là trong nước « *Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử* 君君, 臣臣, 父父, 子子 : vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con ». (*Luận-ngữ: Nhan-Uyên, XII*). Giữ trật-tự cho mình, và danh-phận cho chính tức là giữ cái căn-bản của chính-trị vậy.

Tôn quân - quyền. Phàm người ta đã quần-tụ với nhau thành xã-hội thì tất phải có quyền tối cao để giữ kỷ-cương cho cả đoàn-thể. Cái quyền ấy gọi là *Quân-quyền* 君權, tức là quyền chủ-tể cả một nước.

Theo tư-tưởng của Nho-giáo thì quân-quyền phải để một người giữ cho rõ cái mối thống-nhất. Người giữ quân-quyền gọi là *đế* hay là *vương*, ta thường gọi là vua. Vua phải lo việc trị nước, tức là lo sự sinh-hoạt, sự dạy-dỗ và sự mở-mang cho dân.

Vua thì phải có quan. Quan là những người có tài có đức ở trong dân lựa-chọn ra để giúp vua làm mọi việc ích-lợi chung cả nước. Một nước trị hay loạn là do ở vua và quan giỏi hay dở. Bởi thế, về đường chính-trị, Nho-giáo lấy cái nghĩa *quân thần* làm trọng.

Ở trong nhà thì con phải hiếu với cha mẹ, ở trong nước thì thần dân phải trung với quân. Hai chữ *trung quân* 忠君 không nên theo như người ta thường vẫn hiểu là chỉ trung với người làm đế làm vương mà thôi, nhưng có thể theo nghĩa rộng là trung với cái quân-quyền trong nước. Theo nghĩa rộng ấy thì bất cứ ở vào thời-dại nào, hai chữ trung-quân vẫn có nghĩa chính-đáng. Có lòng trung ấy thì dân mới yên và nước mới trị, miễn là quân-quyền không trái với lòng dân là được.

Cái quân-quyền là cái bảo-vật, cái *thần-khi* 神器, quan-hệ đến vận-mệnh của một xã-hội, một dân-tộc, nếu không phải là bởi cái mệnh Trời trao cho, tất là bởi cái thế-lực của bọn đạo-tặc cướp lấy. Vậy muốn cho chính cái danh-hiệu của người giữ quân-quyền, Khổng-giáo mới cho là quân-quyền do ở mệnh Trời mà ra.

Mệnh Trời không phải là đã cho ai là nhất-định cho mãi. Ai làm điều lành thì được, ai làm điều ác thì mất. Cho nên sách *Đại-học* dẫn câu ở thiên *Khang-cáo* trong kinh *Thư* rằng : « *Duy mệnh bất vu thường, đạo thiên tắc đắc chi, bất thiện tắc thất chi* 惟命不于常, 道善則得之, 不善則失之矣 : mệnh Trời không nhất-định, thiện thì được, bất thiện thì mất ». Thiên *Thái-trọng* chỉ mệnh trong kinh *Thư* nói rằng : « *Hoàng thiên vô thân, duy đức thị phụ; dân tâm vô thường, duy huệ chi hoai. Vi thiện bất đồng, đồng qui vu trị; vi ác bất đồng, đồng qui vu loạn, nhĩ kỳ giới tai!* 皇天無親, 惟德是輔; 民心無常, 惟惠之懷. 爲善不同, 同歸于治; 爲惡不同, 同歸于亂, 爾其戒哉 : ông Trời không thân riêng ai, chỉ có đức là Trời giúp ; lòng dân không có thường, chỉ có ơn là mền. Làm điều lành cũng không giống nhau, nhưng kết-quả là trị ; làm điều ác cũng không giống nhau, nhưng kết-quả là loạn, người phải lấy làm răn vậy thay ! » Vậy người làm đế làm vương tuy rằng có uy-quyền rất to, thế lực rất mạnh, nhưng vẫn không được lạm dụng uy-quyền ấy và thế-lực ấy mà làm điều tàn-bạo.

Thiện - ý dân - tâm . Cái chính-thể của các tông-giáo khác đã cho vua thay Trời trị dân, thì vua muốn điều gì là Trời muốn điều ấy, không ai được cưỡng lại. Cái chính-thể của Khổng-giáo có quan-niệm đặc biệt là cho Trời với người cùng đồng một thể, toàn dân muốn thế nào là Trời muốn thế ấy. Ông vua chỉ là một phần trong toàn-thể, vì có tài có đức mà được cái địa-vị tôn-qui để giữ cho toàn-thể được điều-hòa yên-ổn. Hễ ông vua làm điều gì trái lòng dân, tức là trái mệnh Trời. Thành thử ông vua tuy đối với Trời được thay quyền Trời, nhưng đối với dân lại phải chịu hết cả các trách-nhiệm. Mà dân thì tuy phải chịu quyền ông vua cai-trị, nhưng vẫn có quyền bắt vua phải theo điều lành mà làm. Vì rằng : « *Thiên cang vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tòng chi* 天矜于民, 民之所欲, 天必從之 : Trời thương dân, dân muốn điều gì, Trời cũng theo ». (*Thư : Thái-thể thượng*). Vậy muốn biết lòng trời thì cứ xem lòng dân. « *Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã dân thính* 天視自我民視, 天聽自我民聽 : Trời trông thấy, tự ở dân ta trông thấy, trời nghe thấy, tự ở dân ta nghe thấy ». (*Thư : Thái-thể trung*). Trời với dân là một, thì trên dưới giao-thông với nhau : « *Thiên thông minh tự ngã dân thông minh, thiên minh ủy tự ngã dân minh ủy, đạt vu thượng hạ, kinh lai hữu thổ!* 天聰明自我民聰明, 天明畏自我民明畏, 達于上下, 敬哉有土! : cái sáng-suốt của Trời ở cái sáng-suốt của dân, sự làm cho rõ điều lành sợ điều ác của Trời ở sự làm cho rõ điều lành sợ điều ác của dân, trên Trời dưới dân thông-đạt với nhau. Vậy nên người làm vua, làm chúa, phải kính vậy thay ! » (*Thư : Cao-Dao mô*).

Quân dân tương thân . Cứ theo lý-tưởng ấy thì người làm vua phải theo lòng dân mà khiến sự chính-trị của mình : « *Dân chi sở hiếu, hiếu chi ; dân chi sở ố, ố chi. Thử chi vị dân chi phụ mẫu* 民之所好, 好之; 民之所惡, 惡之. 此之謂民之父母 : phải thích cái thích của dân,

phải ghét cái ghét của dân. Thế mới gọi là cha mẹ dân, (Đại-học). Lòng tự-nhiên của dân là muốn điều lành, ghét điều ác, theo cái lòng ấy mà trị dân thì tất là dân yêu-mến như cha mẹ. Nếu ông vua nào trị dân mà yêu cái của dân ghét và ghét cái của dân yêu, là làm những điều trái lòng dân, tức là trái mệnh trời, thì người khác được quyền « *điều dân phạt tội* », nghĩa là cứu dân mà đánh người có tội, như vua Thang đánh vua Kiệt, vua Vũ-vương đánh vua Trụ vậy.

Xem như thế thì chính-thể của Khổng-giáo tuy là chính-thể quân-chủ, nhưng cái quyền ông vua đối với dân không khác gì cái quyền người cha đối với các con. Người làm vua trong nước phải có nhân có đức, lo cho dân được an cư lạc nghiệp, được cường-thịnh vẻ-vang như cha lo cho con vậy. Ông vua tuy làm chủ-tể cả nước, nhưng không được chuyên-chế, việc gì cũng phải theo lẽ công-bình mà làm. Người trong nước không cứ sang hèn, hễ ai có tài có trí là được cất-nhắc lên giúp vua mà trị dân. Vua với quan đều lấy sự lợi dân làm chủ-dịch. Thành thử trong nước có vua, có quan, mà vẫn lấy dân làm trọng hơn cả. Nếu người đời mà thực-hành được lý-tưởng ấy thì thật là lập-thành một chính-thể rất hay, rất công-bình, và lại hợp cái nghĩa duy dân rất chính-dáng.

Vua với dân có quan-hệ rất mật-thiết với nhau, vua không thể không có dân, mà dân không thể không có vua được. Hai bên phải nương-tựa vào nhau như tâm-thần với thân-thể. Khổng-tử nói: « *Dân dĩ quân vi tâm, quân dĩ dân vi thể; tâm trang tắc thể thư, tâm túc tắc dung kinh. Tâm hiếu chi, thân tất an chi; quân hiếu chi, dân tất dục chi. Tâm dĩ thể toàn, diệc dĩ thể thương; quân dĩ dân tồn, diệc dĩ dân vong* 民以君為心,君以民為體,心莊則體舒,心肅則容敬.心好之,身必安之;君好之,民必欲之.心以體全,亦以體傷;君以民存,亦以民亡» dân lấy vua làm tâm, vua lấy dân làm thân-thể; tâm trang-chính

thân-thể thư-thái, tâm nghiêm-túc thì dung-mạo cung-cung. Tâm thích cái gì, thân-thể ắt là yên-vui cái ấy; vua thích cái gì, dân ắt là muốn cái ấy. Tâm nhờ thân-thể mà tồn, và cũng vì thân-thể mà nguy; vua nhờ dân mà còn, và cũng vì dân mà mất». (Lễ-kỷ: Truy-y, XXXIII). Vậy nên làm vua phải lo làm lợi cho dân thì ngôi mình mới vững mà nước mới yên, vì dân không sợ gì bằng sợ cái hà-chính của ông vua bất nhân. Một hôm Khổng-tử đi gần núi Thái-sơn, trông thấy một người đàn-bà ngồi khóc ở bên mồ, nghe tiếng khóc thương-xót mà ra bộ sợ-hãi lắm. Ngài sai thầy Tử-Lộ hỏi xem tại làm sao. Người ấy nói rằng: « Ngày trước bố chồng tôi bị cọp ăn, chồng tôi cũng bị cọp ăn, nay con tôi lại bị cọp ăn nữa, cho nên tôi thương khóc mà sợ lắm. » — Ngài bảo: « Sao không đi chỗ khác mà ở? » — Người đàn-bà ấy trả lời: « Ở đây không có hà-chính ». — Ngài ngảnh lại bảo học-trò: « Các con chú ý, cái hà-chính còn ghê hơn cọp vậy. Hà-chính chính là hổ gấm 苛政猛於虎也 » (Lễ-kỷ: Đàn-cung hạ, II). Hễ người làm vua làm chúa mà không hiểu rõ lẽ ấy, cứ dùng những chính-sách hà-khốc làm cho lòng người ly-tán thì sự nguy-vong đến kẻ sau lưng. Bởi thế cho nên cái đạo trị nước được vững-bền là cốt ở sự trên dưới thân-yêu nhau. Khổng-tử nói: « *Thượng chi thân hạ giả, như thủ túc chi ư phúc tâm; hạ chi thân thượng giả, như ấu-tử chi ư từ mẫu hỹ. Thượng hạ tương thân như thủ, cố lệnh tắc tùng, thì tắc hành. Dân hoài kỳ đức, cận giả duyệt phục, viễn giả lai phụ, chính chi tri giả* 上之親下也,如手足之於腹心;下之親上也,如幼子之於慈母矣.上下相親如此,故令則從,施則行.民懷其德,近者悅服,遠者來附,政之成也: trên thân dưới như chân tay đối với lòng ruột, dưới thân trên như con nhỏ đối với mẹ từ. Trên dưới thân nhau như thế, cho nên trên có lệnh thì dưới theo, trên thì-thở điều gì, thì dưới phụng hành. Dân mến đức của người trên, kẻ gần thì vui lòng mà phục-tùng, kẻ xa

thì đến qui-phụ, thế là chính-trị hay rất mực vậy». (Khổng-tử gia ngữ: Vương-ngôn giải, III).

Cái thịnh - đức của người quân - tử. Người cầm quyền chính-trị phải biết rằng cái số người thật tài giỏi, có đủ đức-hạnh, đáng cầm quyền mà sai khiến người ta, bao giờ cũng là số ít. Còn số nhiều là người tầm - thường, trí-tuệ không được minh - mẫn, đạo - đức bạc - nhược, tự mình không thể hiểu biết được các lẽ cao - xa. Vậy nên bao giờ số nhiều ấy cũng phải theo số ít, để người ta đưa đường chỉ nẻo cho mà đi, khỏi phải sai-lầm. Bởi lẽ ấy cho nên Khổng-tử mới nói: «Dân khả sử do chi, bất khả sử trí chi 民可使由之, 不可使知之: có thể khiến dân theo cái lý đương - nhiên mà làm, không có thể khiến dân biết được tại làm sao mà cái lý ấy phải như thế». (Luận - ngữ: Thái-Bá, XIII).

Phàm những người làm vua làm quan mà biết làm những điều nhân - nghĩa đạo - đức thì tự - nhiên thiên - hạ người ta theo về mình và trông vào mình mà bắt - chước. Khổng-tử nói rằng: «Vi chính dĩ đức, thì như bắc-thần cư kỳ sở, nhi chúng tinh cũng chi 為政以德, 譬如北辰居其所, 而眾星拱之: làm việc chính dùng lấy đức, ví như sao bắc-thần đứng một chỗ, mà các sao châu về cả». (Luận-ngữ: Vi-chính, II). Khổng-tử cho cái đức của người trên có thể hóa được người ta, cho nên Ngài nói: «Quân tử chi đức phong, tiểu-nhân chi đức thảo, thảo thượng chi phong tất yền 君子之德風, 小人之德草, 草上之風必偃: cái đức của bậc quân-tử như gió, cái đức của kẻ tiểu-nhân như cỏ, gió thổi trên cỏ thì cỏ phải lướt xuống mà theo». (Luận - ngữ: Nhan - Uyên, XII). Chữ quân - tử đây là nói những người có quyền-tước ở trên, mà tiểu-nhân là người dân ở dưới. Người trên làm thế nào thì người dưới bắt-chước như thế, cho nên người trên phải giữ sự hiếu - ô của mình cho cẩn - thận, để người ta trông mà noi theo. Khổng - tử nói: «Thượng hiếu nhân, tắc hạ chi vi nhân,

tranh tiên nhân. Cổ trưởng dân giả, chương chi, trình giáo, tôn nhân, dĩ tử ái bách tính, dân tri hành kỷ, dĩ duyệt kỷ thượng hỹ 上好仁, 則下之為仁, 爭先人, 故長民者, 章為教, 尊仁, 以予愛百姓, 民致行己, 以說其上矣: người trên thích điều nhân, thì người dưới tranh nhau làm trước điều nhân. Cho nên người cai - quản dân phải làm cho sáng rõ sự hiếu-ô của mình cho dân biết, lập cái đạo cho chính-định để dạy dân tôn-qui điều nhân, để yêu dân như con. Như thế thì dân hết lòng hết sức làm điều lành điều phải cho đẹp lòng người trên vậy» (Lễ-ký: Trung, XXXIII).

Hình - chính tương tham. Khổng-tử muốn lấy đạo - đức mà hóa người hơn là dùng hình-pháp mà trị người. Ngài nói: «Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sỉ; đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách 道之以政, 齊之以刑, 民免而無恥; 道之以德, 齊之以禮, 民恥且格: dùng chính-trị mà khiến, dùng hình - pháp mà tề - nhất thì dân khỏi tội, nhưng không có lòng hổ - thẹn; dùng đức mà khiến, dùng lễ mà tề-nhất, thì dân có lòng hổ-thẹn, mà lại cố làm điều hay» (Luận-ngữ: Vi-chính, II). Lời ấy nói rõ được cái ý - chỉ của Ngài về đường chính-trị. Ngài nói rằng: «Thỉnh tụng ngô do nhân giả, tất giả sử vô tụng hồ 聽訟吾猶人也, 必也使無訟乎: xử kiện thì ta cũng như người, cốt sao cho khỏi kiện-tụng mới là hay». (Luận - ngữ: Nhan - Uyên, XII). Hễ bao giờ dùng đức mà không hóa được, thì mới dùng đến hình. Nhưng dùng hình là bất - đắc - dĩ để trừng - trị những kẻ không thể hóa được, chứ cái mục-dịch là cốt không dùng đến hình. Vậy nên Ngài nói: «Thánh - nhân chi trị, hóa giả, tất hình chính tương tham yền. Thái thượng dĩ đức giáo dân, nhi dĩ lễ tề chi. Kỳ thứ, dĩ chính sự đạo dân, dĩ hình cấm chi, hình bất hình giả. Hóa chi phát biến, dân chi phát tòng, thương nghĩa nhi bại tục, ư thị hồ dụng hình hỹ 聖人之治, 化也, 必刑政相參焉. 太上以德教民, 而以禮齊之.

其次, 以政事道民, 以刑禁之, 刑不刑也. 化之弗變, 民之弗從, 傷義而敗俗, 於是乎用刑矣: thành - nhân trị dân và hóa dân là phải dùng cả chính lẫn hình. Bậc thái - thượng lấy đức dạy dân, mà lấy lễ tề dân. Bậc thứ nhì lấy chính-sự mà khiến dân, và lấy hình mà ngăn-cấm: hình đặt ra nhưng không dùng đến. Chỉ có lúc hóa dân mà dân không theo, đề đến hại nghĩa nát tục, thì bấy giờ mới phải dùng hình vậy » (Khổng-tử gia-ngữ: Ngũ-hình giải, XXX).

Cư - kinh hành giản. Người quân - tử làm việc chính-trị không những là cần phải có đức để hóa dân mà thôi, nhưng lúc nào cũng kinh-cần, làm việc gì cũng vụ lấy việc giản-dị. Thầy Trọng-Cung nói rằng: « *Cư kinh nhi hành giản, dĩ lâm kỳ dân, bất diệc khả hồ* 居敬而行簡, 以臨其民, 不亦可乎: giữ mình cho kinh-cần, làm việc thì giản-dị, cứ thế mà trị dân, chẳng nên lắm sao? » (Luận-ngữ: Ung-giã, VI). Trị dân mà lấy việc giản-dị để khiến dân thì không phiền dân, không nhiều dân, dân được an cư lạc nghiệp, vui lòng mà theo người trên sai-khiến. Người trên lại phải chăm-chỉ, chịu khó-nhọc, việc gì cũng cứ theo lẽ thẳng mà làm. Khổng-tử thường lấy lẽ ấy mà dạy-bảo người ta. Thầy Tử-Trương hỏi việc chính, Ngài nói: « *Cư chi vô quệ, hành chi dĩ trung* 居之無倦, 行之以忠: đề mình vào chỗ không mỏi, làm việc thì theo đạo thẳng » (Luận-ngữ: Nhan-Uyên, XII). Thầy Tử-Lộ hỏi việc chính, Ngài nói: « *Tiên chi, lao chi* 先之, 勞之: bắt dân làm việc gì, thì mình làm trước, bắt dân phải khó-nhọc việc gì, thì mình chịu khó-nhọc trước ». Thầy Tử-Lộ lại hỏi thêm, Ngài nói: « *Vô quệ* 無倦: cứ thế mà làm không mỏi » (Luận-ngữ: Tử-Lộ, XIII). Vì rằng mình là người trên đã làm thì không khiến dân cũng theo mà làm, mình chịu khó-nhọc trước thì dân có phải khó-nhọc cũng không oán. Mình cứ bền chí làm điều ngay, điều phải, thì tất thế nào dân cũng phải phục.

Thứ, phú, giáo. Việc chính-trị có ba điều hệ-trọng là: làm cho dân nhiều, làm cho dân giàu, và dạy cho dân biết lễ-nghĩa. Khi Khổng-tử đi đến nước Vệ, thấy dân đông-dù, Ngài thốt rằng: « *Thứ hỹ tai!* 庶矣哉!: Dân đông làm thay! » Học-trò là thầy Nhiễm Hữu hỏi: « *Ký thứ hỹ, hựu hà gia yên?* — *Viết: phú chi* — *Viết: ký phú hỹ, hựu hà gia yên?* — *Viết: giáo chi* 既庶矣, 又何加焉? 一曰富之, 一曰既富矣, 又何加焉? 一曰教之: đã đông vậy, lại nên thêm gì nữa? — Làm cho dân giàu. — Đã giàu rồi lại thêm gì nữa? — Phải dạy dân ». (Luận-ngữ: Tử-Lộ, XIII). Trị dân mà không dạy dân, thì dân biết thế nào được cương-thường đạo-lý, để giữ trật-tự ở trong xã-hội. Nhưng trước khi dạy dân, phải cần làm cho dân giàu, vì có đủ ăn đủ mặc thì mới học được lễ-nghĩa vậy.

Việc trị dân trị nước là phải lo cho dân đủ ăn, nước đủ binh, làm cho người trong nước ai cũng tin-cậy mình. Có thế thì mới có đủ thế-lực mà giữ cho nước được yên-trị vững bền. Thầy Tử-Cống hỏi việc chính nên thế nào? Khổng-tử dạy: « *Túc thực, túc binh, dân tin chi hỹ* 足食, 足兵, 民信之矣: đủ ăn, đủ binh, dân tin mình vậy. Nhược bằng trong ba điều ấy, bắt buộc dĩ phải bỏ một điều, thì nên bỏ điều nào trước? Bỏ việc binh. Còn hai điều mà bắt buộc dĩ phải bỏ đi một điều nữa, thì nên bỏ điều nào trước? Bỏ ăn. Vì bỏ ăn thì chết, nhưng xưa nay người ta vẫn chết, chứ dân mà không tin, thì không sao đứng vững được ». (Luận-ngữ: Nhan-Uyên, XII). Trong việc chính-trị cần phải lấy sự dân tin làm quan-trọng hơn cả. Dân đã tin thì thành ra cái thế-lực rất mạnh, làm việc gì cũng được. Song người cầm quyền chính-trị phải biết lấy việc nhân-nghĩa mà trị dân, thì dân mới tin-phục. Thầy Tử-Trương hỏi Khổng-tử: « *Làm thế nào thì khả theo được việc chính?* » Ngài nói: « *Tôn năm điều thiện, bỏ bốn điều ác, thì khả theo được việc chính* ». Thầy Tử-Trương hỏi: « *Năm điều thiện là những điều*

nào?» Khổng-tử trả lời: «*Quân-tử huệ nhi bất phí, lao nhi bất oán, dục nhi bất tham, thái nhi bất kiêu, uy nhi bất mãnh* 君子惠而不費, 勞而不怨, 欲而不貪, 泰而不驕, 威而不猛: quân-tử có ơn sâu mà không phí, khiến dân phải khó-nhọc mà dân không oán, muốn mà không phải là tham, thư-thái mà không kiêu-căng, có uy-nghi mà không dữ-tợn». Thầy Tử-Trương lại hỏi: «*Làm thế nào cho có ơn huệ mà không phí?*» Khổng-tử nói: «*Nhân cái lợi của dân mà làm lợi, thì chẳng phải là có ơn mà không phí hay sao? Việc nên khó-nhọc mới bắt dân khó-nhọc, thì ai còn oán-giận nữa. Muốn nhân mà được nhân, thì sao lại là tham. Người quân-tử không vì người nhiều hay ít, không vì việc lớn hay nhỏ, không dám biếng trễ, thế chẳng phải thư-thái mà không kiêu-căng hay sao?*» Người quân-tử sửa áo-mũ chỉnh-tề, sự trông-ngó tôn-nghiêm, ai trông cũng kính-sợ, thế chẳng phải là uy-nghi mà không hung-tợn hay sao?» Thầy Tử-Trương hỏi: «*Thế nào gọi là bốn điều ác?*» — «*Không dạy dân để dân phạm tội mà giết, gọi là ngược; không răn-bảo trước mà muốn thành việc ngay, ấy gọi là hung-bạo; hiệu-lệnh dễ trễ lâu, đến kỳ thì thúc-giục, ấy là thù-hại dân; ban thưởng cái gì mà thu vào phát ra bừa-xỉ, gọi là kẻ hữ-tư*». (Luận-ngữ: Nghiêu-viết, XX).

Kinh-cần và thận-trọng. Người quân-tử không nên khinh-suất. Việc gì đã có hữ-tư xét trước kỹ-càng, rồi sau hãy quyết-định, thì không hay sai-lầm. Bao giờ cũng phải có độ-lượng, không nên chấp-trách những điều lỗi nhỏ và phải biết cất-nhắc những người tài giỏi lên mà dùng. Khổng-tử nói: *Tiên hữ-tư, xá tiểu quá, cử hiền-tài* 先有司, 赦小過, 舉賢才: việc đề hữ-tư xét trước, xá lỗi nhỏ, cất-nhắc người giỏi». (Luận-ngữ: Tử-Lô, XIII).

Phàm việc chính-trị là việc hệ-trọng, người quân-tử không nên vội và tham. Vội và tham là hay hỏng việc. Bởi

vậy Khổng-tử nói rằng: «*Vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi: dục tốc tắc bất đạt, kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành* 無欲速, 無見小利: 欲速則不達, 見小利則大事不成: đừng muốn mau thành công, đừng tham lợi nhỏ: muốn mau thành công thì không đạt, tham lợi nhỏ thì việc lớn không thành» (Luận-ngữ: Tử-Lô, XIII).

Người quân-tử làm việc chính-trị phải có tài có đức xứng-dáng mới làm được. Nếu mình tự lượng tài đức của mình không đủ, thì chớ có tham. Khổng-tử nói: «*Đức bạc nhi vị tôn, trí tiểu nhi mưu đại, lực tiểu nhi nhiệm trọng, tiền bất cấp hỹ* 德薄而位尊, 知小而謀大, 力小而任重, 鮮不及矣: đức mỏng mà ngôi cao, trí nhỏ mà lo làm việc lớn, sức nhỏ mà gánh việc nặng thì ít khi thành công vậy» (Dịch: Hệ-từ hạ).

Người trị nước, trị dân, phải biết lo xa: nay tuy được yên, nhưng bụng thường không quên việc khuynh-nguy: nay được tuy còn, nhưng bụng thường không quên sự bại-vong; nay việc chính-trị tuy có trật-tự, nhưng bụng thường không quên lúc họa-loạn. Nghĩa là lúc nào cũng sợ-hãi về việc nguy-vong có thể xảy ra được. Cho nên Khổng-tử nói rằng: «*Nguy giả an kỳ vị giả giả, vong giả bảo kỳ tồn giả giả, loạn giả hữ kỳ trị giả giả. Thị cố quân-tử an nhi bất vong nguy, tồn nhi bất vong vong, trị nhi bất vong loạn, thị dĩ thân an nhi quốc gia khả bảo giả* 危者安其位者也, 亡者保其存者也, 亂者有其治者也. 是故君子安而不忘危, 存而不忘亡, 治而不忘亂, 是以身安而國家可保也: nguy là vì cứ yên-vui ở ngôi mình, mất là vì chắc ở sự còn, loạn vì cậy có trị. Vậy nên bậc quân-tử lúc yên không quên lúc nguy, lúc còn không quên lúc mất, lúc trị không quên lúc loạn, thế mới yên thân mà giữ được nhà được nước vậy» (Dịch: Hệ-từ hạ).

Nói rút lại việc chính-trị của Khổng-giáo cốt ở chữ ái và chữ kinh. Khổng-tử nói: «*Ái dĩ dĩ kinh, kỳ chính chi bản dư* 愛與敬, 其政之本與: ái với kính là gốc sự

chính-trị vậy vậy » (Lễ-kỷ : Ai-công vấn, XXVII). Phải lấy lòng nhân-ái mà đối với dân, và phải lấy bụng kính-cần mà giữ mình. Có nhân-ái thì mới thương-yêu dân và muốn mở-mang cho dân ; có kính-cần thì làm việc mới cẩn-thận, không khinh-suất, không làm bậy. Khổng-tử vẫn có cái tư-tưởng về đường chính-trị rất thích-hợp với chủ-nghĩa hòa-bình. Ngài nói : «Hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả nhi hoạn bất quán (11), bất hoạn bản nhi hoạn bất an. Cái quán vô bản, hòa vô quả, an vô khuynh 有國有家者, 不患寡而患不均, 不患貧而患不安. 蓋均無貧, 和無寡, 安無傾 : người làm vua làm chúa không lo ít người mà lo không đều, không lo nghèo mà lo không an. Hễ đã đều là không có sự nghèo, đã hòa-thuận là không có ít người, đã an là không có sự khuynh-nguy. » (Luận-ngữ : Quý-thị, XVI). Lấy nhân-ái mà trị dân, lo cho dân không có sự giàu-nghèo chênh-lệch, giữ cho dân được hòa-bình an-lạc, đó mới thật là chính-sách của vương-đạo. Nếu xưa nay các vua-chúa quan-tư, ai cũng thực bụng theo lòng chỉ ấy mà trị nước trị dân, thì tưởng nhân-dân trong thiên-hạ đỡ được bao nhiêu những việc chính-trị hà-khốc, làm cho người ta khỏi phải lầm-than nhiều nỗi vậy.

Đạo của Khổng-tử gồm cả phần hình-nhi-thượng và phần hình-nhi-hạ như đã nói ở trên, là cái đạo chủ ở sự theo thiên-lý mà hành-động. Thiên-lý lưu-hành bất tức, nghĩa là biến-hóa hết thái-độ nọ, đến thái-độ kia, để tìm lấy cái điều-hòa, cái bình-hành. Sự lưu-hành của thiên-lý phẳng-phát giống như nước chảy. Chỉ khác có một điều là nước chảy thì khi hai mặt nước đã phẳng-bằng nhau rồi, không chảy nữa. Đấng này thì lúc nào cũng lưu-hành không nghỉ, do điều-hòa đến không điều-hòa, rồi lại do không

(11) Quán là chia giàu nghèo cho đều.

điều-hòa đến điều-hòa, tức là do cái tương-thành mà hóa ra cái tương-phản, rồi lại do cái tương-phản mà hóa ra cái tương-thành, cứ thế mà biến-hóa ra mãi mãi. Điều-hòa và không điều-hòa là hai lý-tượng hay hai thế-lực tương đối nhau, không lúc nào rời nhau ra được, mà ở đâu cũng có. Âm và dương là biểu-thị hai thế-lực ấy, cho nên mới nói rằng không đâu là không có âm và dương. Chỗ nào cũng có một âm một dương đùn-đẩy nhau, để tương-đối và tương-quan với nhau. Nhất thiết các sự-vật đều thành-lập ở trong khoảng điều-hòa của hai cái tương-đối tương-thành ấy cả. Bởi chưng theo lẽ biến-hóa như thế, cho nên đạo của Khổng-tử vốn là cái đạo cần phải tiến-hóa luôn. Về đường đạo-dức, Ngài muốn người ta ai cũng như vua Thang đời xưa, lấy mấy chữ sau này làm biểu-hiệu : « Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân 苟日新, 日日新, 又日新 : một ngày một mới, ngày ngày càng mới thêm, càng ngày càng mới thêm nữa. » (Đại-học). Ngài muốn sự tiến-hóa, nhưng tiến-hóa một cách từ từ, cho đến chí thiện chí mỹ.

Về đường chính-trị thiết-thực cũng vậy, Khổng-tử muốn lựa-chọn lấy những cái hay cái đẹp của cổ-kim mà thông-dụng cho được hoàn-toàn. Thầy Nhan-tử hỏi về đạo trị nước, Ngài nói : « Hành Hạ chi thời, thừa Ân chi lộ, phục Chu chi miện, nhạc tặc thiều vũ, phóng Trịnh thanh, viễn nịnh nhân. Trịnh thanh dâm, nịnh nhân đãi 行之時, 乘殷之輅, 服周之冕, 樂則韶舞, 放鄭聲, 遠佞人. 鄭聲淫, 佞人殆 : theo thời nhà Hạ, đi xe lộ nhà Ân, đội mũ miện nhà Chu, nhạc âm dùng nhạc thiều, bỏ tiếng nhạc nước Trịnh, xa người nịnh. Tiếng nhạc nước Trịnh thì dâm, người nịnh thì nguy. » (Luận-ngữ : Vệ Linh-công, XV). Nhà Hạ lấy tháng dần làm tháng đầu năm, nhà Ân lấy tháng sửu, nhà Chu lấy tháng tị. Nhưng vì theo cái lẽ cho nhân sinh ư dân, cho nên lấy tháng dần làm thuận lý hơn. Lộ là cái xe lớn làm bằng gỗ của nhà Ân, làm rất

kiên-cố. Đến đời nhà Chu thì lấy vàng ngọc trang-sức thêm vào, thành ra xa-xỉ quá, cho nên Ngài muốn dùng xe lộ nhà Ân hơn. Mũ miện là mũ đội lúc đi tế, đã có từ đời Hoàng-đế, nhưng chưa được khéo và đẹp bằng lối của nhà Chu chế ra, cho nên Ngài muốn dùng mũ miện của nhà Chu. Nhạc thiếu của vua Thuấn chế ra, rất hay rất đẹp. Tiếng nhạc của nước Trịnh thì nghe dâm, làm loạn lòng người. Kẻ nịnh làm hại đạo. Bởi vậy Ngài muốn bỏ tiếng nhạc nước Trịnh và người nịnh. Ý Ngài bảo phải theo những điều hợp đạo trung, chứ không phải là cứ cố-chấp thủ cự.

Đạo của Khổng-tử không phải là đạo thủ-cự, bởi vì phải biến luôn, vì không biến thì thành ra cứng, mà cứng là hại. Cái học của Ngài chủ ở sự theo cái đạo biến thông của trời đất. Ngài nói : « Dịch : cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu 易 : 窮則變, 變則通, 通則久 : Đạo Dịch là : cùng thì biến, biến thì thông, thông thì lâu. » (Dịch : Hệ-từ hạ). Nghĩa là cứ theo đạo Dịch, tức là theo đạo Trời, hễ việc gì đến chỗ cùng thì phải biến, mà không biến thì thành ra cứng, cho nên phải biến để cho thông, có thông mới được lâu. Ví như nước lên nhiều, thì phải cho chảy, nếu không chảy được thì phải ứ, mà đã ứ là vỡ. Vậy nên phải cho chảy, mà có chảy mới thông. Bởi lẽ ấy thánh-nhân dạy người ta phải biết theo thời mà biến-đổi luôn để cho không đến nỗi cùng. Song phải biến-đổi từ từ theo lẽ tự-nhiên, làm cho người ta biến mà không biết, hóa mà không hay, thì sự biến-hóa mới thật là thần-diệu, và mới được êm-ái vững-bền. Vậy muốn tiến-hóa cho phải đạo là phải biết theo thời : đến thời nào phải theo thời ấy mà biến-đổi cho hợp thời. Bởi thế cho nên Khổng-tử mới nói : « Tùy thời chi nghĩa đại hỹ tai ! 隨時之義大矣哉 ! : cái nghĩa theo thời lớn vậy thay ! » (Dịch : Thoán thượng-truyện).

Đạo của Khổng-tử là đạo tùy thời, theo thiên-lý mà lưu-hành, tất phải biến-đổi luôn để cho càng ngày càng mới.

Vậy sao lại có cái quan-niệm hiếu cổ, nghĩa là lúc nào cũng phải suy-xét cái chế-độ của cổ-nhân để mà noi theo ? Như thế há chẳng phải là một điều mâu-thuẫn trong học-thuyết của Khổng-tử hay sao ? — Vấn-đề ấy không những là không có điều gì là mâu-thuẫn, mà lại là một điều quan-hệ đến tâm-lý-học rất tinh-thâm. Xưa nay ta sở dĩ lầm-lỗi là bởi ta hiểu không rõ hết cái ý-nghĩa ấy.

Phạm sự sinh-hoạt của loài người là thường vẫn phải bị cái thế-lực vô-hình của ông cha đời trước. Cái thế-lực ấy tức là cái tinh-thần rất linh-hoạt của các dân-tộc. Thường những cuộc thịnh-suy là bởi đó mà ra cả. Nhờ có cái thế-lực ấy cho nên các xã-hội mới vững-bền và mới có cái thống-hệ trong các sinh-hoạt và trong sự chính-trị. Khổng-tử hiểu rõ những lẽ ấy cho nên Ngài mới lấy cái quan-niệm hiếu cổ làm cái dây liên-lạc để giữ cho chắc-chắn cái nền của xã-hội, tức như là một thứ keo, thứ hồ, để gắn cho chặt các phần-tử trong một đoàn-thể. Hiếu cổ nhưng vẫn phải giữ đạo trung, nghĩa là phải giữ vững cái nền tốt đã có sẵn, rồi cứ theo thời, theo trình-độ của nhân-quần mà tiến lên cho hợp thời. Cách tiến-hóa như thế, thì bao giờ cũng điều-hòa, cũng có trật-tự, rất chắc-chắn, vững-vàng không đến nỗi có những cuộc đại biến làm loạn được nhân-tâm.

Song phải biết rằng nếu hiếu cổ mà không biết tùy thời, thì lâu ngày thành ra hủ-bại, hoặc tùy thời mà không hiếu cổ thì thành ra rối-loạn, vì không thể sở-cứ vào cơ-bản nào cả. Khổng-giáo tối kỵ sự chéch-lệch ấy, làm mất cái bình-hành và cái điều-hòa là những cái cốt-tử, bất kỳ làm việc gì cũng cần phải có. Hãy xem như xã-hội ta ngày xưa, vì hiếu lắm, mà thiên về đường thủ-cự thái quá, hơi một tí gì cũng lấy cổ-nhân ra làm tiêu-chuẩn, chứ không biết tìm cách mà biến-đổi cho vừa phải, cho nên mới thành ra bại-vong. Ngày nay thì lại trái hẳn, ai cũng muốn biến-đổi, phạm cái gì của ông cha đã xây-đập lên, thì đem hủy-

hoại hết, không phân-biệt phải-trái gì cả. Như thế càng hủy-hoại cái nền cũ đi bao nhiêu, thì sự biến-đổi lại càng làm loạn nhân-tâm bấy nhiêu, chứ vị tất đã thành được cái thật hay thật đẹp. Đó là sự chệch-lệch không có điều-hòa, không có bình-hành, trái với cái đạo tùy thời mà vẫn trung-dung của Khổng-giáo.

Trung-dung là theo thiên-lý mà giữ lẽ điều-hòa, khiến cho không có điều gì chệch-lệch.

Trung là chính giữa, không lệch về bên nào, dung là bình-thường, không thái quá hay bất cập. Trung-dung là cái thể trung-bình ở vào thái-độ nào cũng giữ được cái điều-hòa, cái bình-hành. Cao đến đâu cũng có trung-dung, mà thấp thế nào cũng có trung-dung, không ở vào cảnh-ngộ nào là không có trung-dung. Song muốn theo cho đúng lẽ trung-dung, thì phải biết suốt được cả cái hơn cái kém, cái cao cái thấp, rồi mới phân-biệt cái trung-bình điều-hòa ở giữa mà theo. Đạo trung-dung tức là cái trật-lự điều-hòa của trời đất. Đạo ấy có kinh, có quyền, chứ không phải là lúc nào cũng cố-chấp một mực. Khi đáng theo kinh, thì dầu chết cũng không bỏ kinh, mà khi đáng theo quyền, thì biết bỏ kinh theo quyền, cốt cho hợp thời, thuận lý thì thôi. Theo đạo ấy là theo cái tinh-thần đạo-lý, bao giờ cũng phải lấy thiên-lý làm chừng, chứ không cố-chấp điều gì. Người chấp-nhất là người trí-lự hẹp-hòi, không biết quyền biến cho hợp đạo-lý. Mạnh-tử nói rằng: «Sở ố chấp nhất giả, vị kỳ tắc đạo giả, cử nhất nhi phế bách giả 所執一者, 為其賊道也, 舉一而廢百也: cái đáng ghét trong sự chấp-nhất, là vì nó làm hại đạo, làm được một việc bỏ trăm việc» (Mạnh-tử: Tận-tâm thượng). Chỉ có người quân-tử mới theo được đạo trung-dung, kẻ tiểu-nhân không theo được đạo trung-dung. Vì rằng người quân-tử tư-tướng hoặc hành-vi lúc nào cũng thời trung, nghĩa là làm việc gì cũng thích-hợp thiên-lý và phải thời; kẻ tiểu-nhân không trung-dung được, vì tiểu-nhân chỉ biết có tư-tâm tư-dục mà thôi,

không hiểu cái thiên-lý chỉ công chỉ chính, cho nên dẫu có theo trung-dung cũng là trung-dung tiểu-nhân, nghĩa là theo tư-dục mà làm điều trái đạo. Vậy nên Khổng-tử nói: «Quân-tử trung-dung, tiểu-nhân phản trung-dung. Quân-tử chi trung-dung giả, quân-tử, nhi thời trung; tiểu-nhân chi trung-dung giả, tiểu-nhân, nhi vô kỳ đặng giả 君子中庸, 小人反中庸. 君子之中庸也, 君子, 而時中; 小人之中庸也, 小人, 而無忌憚也. (12): quân-tử thì trung-dung, tiểu-nhân thì trái trung-dung. Trung-dung của quân-tử là quân-tử mà thời trung; trung-dung của tiểu-nhân là tiểu-nhân mà không kiêng-sợ gì cả». Vậy Ngài cho là có cái trung-dung của quân-tử và có cái trung-dung của tiểu-nhân. Trung-dung của quân-tử mới thật là trung-dung, mà trung-dung của tiểu-nhân không phải là trung-dung. Trung-dung của quân-tử thì hợp với đạo-lý, mà trung-dung của tiểu-nhân thì tầm-thường dè-hạ. Học-giả có nhận rõ ý-nghĩa ấy, thì mới hiểu được hai chữ trung-dung của Khổng-giáo. Bởi thế cho nên Khổng-tử nói: «Trung-dung kỳ chi hỹ hồ, dân tiền năng cửu hỹ 中庸其至矣乎, 民鮮能久矣!: đạo trung-dung rất khó lắm vậy ời, đã lâu nay ít người theo được vậy!»

Trung-dung là đạo rất khó theo, vì người tài giỏi thì thường hay quá mất cái vừa phải, mà người ngu-hèn thì lại bất cập, cho nên Khổng-tử mới nói: «Đạo chi bất hành giả, ngã tri chi hỹ: tri giả quá chi, ngu giả bất cập giả; đạo chi bất minh giả, ngã tri chi hỹ: hiền giả quá chi, bất tiểu giả bất cập giả. Nhân mạc bất ẩm thực giả, tiền năng tri vị giả 道之不行也, 我知之矣: 知者過之, 愚者不及也; 道之不明也, 我知之矣: 賢者過之, 不肖者不及也. 人莫不飲食也, 鮮能知味也: đạo mà không thi-hành ra được, ta đã biết tại

(12) Tiên-nho có nhiều người thêm chữ phản 反 vào câu «Tiểu-nhân chi trung-dung giả» mà đọc ra là: «Tiểu-nhân chi phản trung-dung giả». Nhưng thiết tưởng câu nguyên-văn vẫn có nghĩa phải hơn và rộng hơn.

sao rồi : người tri-giả thì quá đi, kẻ ngu-giả thì bất cập ; đạo mà không sáng rõ ra được, ta đã biết tại sao rồi : người giỏi thì quá đi, người không giỏi thì bất cập. Người ai chẳng ăn-uống, nhưng ăn-uống mà biết mùi, thì ít lắm vậy ». Đạo trung-dụng khó như thế, cho nên người nào không hiểu hết ý-nghĩa, cho là tầm-thường, không có phần cao-minh. Nhưng xét kỹ ra, đạo ấy là đạo của người quân-tử, mà người quân-tử như ta đã bàn ở mục trên, là bậc người hoàn-toàn, có đức-dộ rất rộng. Phải thật là quân-tử mới trung-dụng được, chứ không thì chỉ là mượn tiếng trung-dụng mà thôi. Cái trung-dụng giả của tiểu-nhân thì lại càng đáng ghét lắm.

Khổng-giáo vốn chú-trọng ở đạo trung-dụng, nhưng nếu không trung-dụng được, thì cũng không ưa sự tầm-thường. Bởi vậy Khổng-tử nói : « *Bất đắc trung hàng nhi dĩ chi, tất giả cuồng quuyến hồ !* *Cuồng giả tiến thủ, quuyến giả hữ sở bất vi giả* 不得中行而與之, 必也狂狷乎 ! 狂者進取, 狷者有所不為也 : không được người theo đúng đạo trung mà dạy, thì ắt dạy kẻ cuồng kẻ quuyến chẳng ! Kẻ cuồng thì tiến lên theo cái cao-xa, kẻ quuyến thì có điều không thêm làm » (*Luận-ngữ : Tử-Lô, XIII*). Ý Ngài nói : đạo của Ngài là đạo trung-dụng, nếu được người theo đúng đạo ấy mà truyền cho là hơn cả, nhược bằng không có hạng người ấy thì truyền cho hạng cuồng quuyến. Vì rằng cuồng là kẻ có chí rất cao mà việc làm thì không kịp ; quuyến là kẻ trí chưa đủ mà phần giữ đạo có thừa. Những kẻ ấy còn có tài-đức khích-lệ đề tiến đến đạo trung, hơn là những người tầm-thường không thể làm cho hiểu đạo và theo đạo được.

Nói rút lại, đạo của Khổng-tử là đạo trung-dụng của người quân-tử, tuy không huyền-diệu, siêu-việt như đạo Lão, đạo Phật, nhưng cũng cao-minh lắm, mà lại rất thích-hợp với chân-lý, thật là cái đạo xử thế rất hay, rất phải, ai cũng có thể theo được và có thể thi-hành ra đời nào cũng

được. Đạo ấy tóm lại rất rõ trong mấy lời sau này : « *Tôn đức tính nhi đạo học-vấn, tri quảng-đại nhi tận tinh-vi, cực cao-minh nhi đạo trung-dụng, ôn cố nhi tri tân, đôn hậu dĩ sùng lễ* 尊德性而道學問, 致廣大而盡精微, 極高明而道中庸, 溫故而知新, 敦厚以崇禮 : tôn đức-tính, chuộng học-vấn, rất quảng-đại mà không sót cái tinh-vi, cực cao-minh và noi theo trung-dụng, ôn lại những điều cũ và biết thêm điều mới, đôn-đốc cái hậu-tính mà sùng-thượng lễ-nghi » (*Trung-dụng*).

Theo được đạo ấy, thì người ta thành ra có cái nhân-cách hoàn-toàn, tiến có thể làm được ích quốc lợi dân, thoái có thể khiến cho sự sinh-hoạt của mình được ung-dung vui-thú. Dem đạo ấy mà thực-hành ở đời, thì có thể làm cho sự cư-xử của người ta rất có nề-nếp, có trật-tự, mà vẫn hiền-hòa êm-ái, người trên không kiêu-căng xa-xỉ, người dưới không xảo-nịnh, giả-dối. Song vì người đời ham-mê những điều lợi-lộc, đâm-đuối vào tư-dục, rồi thường chỉ mượn tiếng đạo-đức của thánh-hiền mà làm cái bình-phong che trước mặt, còn đằng sau thì thấy đầy những việc gian-ác dâm-tà. Bởi thế cho nên cái phần tinh-tủy của thánh-hiền mất mòn đi, để đến nỗi người ta thì tiến lên mãi, mà mình thì đứng dừng lại, lâu ngày thành ra chỉ giữ được cái vỏ hăm-nát, còn cái tinh-thần linh-hoạt thì đi đâu mất cả. Như thế há chẳng phải là cái tội rất lớn của những học-giả xưa nay hay sao ?

Tuy thế mặc lòng, Khổng-giáo vẫn có công rất lớn với xã-hội ta, là đã gây thành một cái văn-hóa rất có giá-trị. Nhất là về đường tinh-thần, học-thuyết của Khổng-tử làm cho người mình có tinh-tinh đặc-biệt, ưa sự hòa-bình và trọng hiếu-nghĩa trung-tín. Văn-hóa ấy tuy về đường vật-chất không được rực-rỡ lắm, nhưng có thể làm cho cuộc sinh-hoạt của người ta có cái thú-vị khác thường. Dầu đến ngày nay là thời-đại người ta đang say-mê về cuộc tranh hơn tranh kém, đang xô-đẩy nhau ở chỗ danh

lợi, nhiều người còn mong-mỏi sự bỏ cũ theo mới, thế mà ai là người biết nghĩ, ngắm thấy lòng người đơn-bạc, cảnh đời khổ-não, ngẫm-ngẫm lại tiếc cái đạo của Khổng-tử không thi-hành khắp được mọi nơi. Cái tiếc ấy vì tất đã có hiệu-quả gì, vì phong-trào đã biến-đổi, người đời đang đắm-đuối ở chỗ vật-chất, khó lòng mà hồi tỉnh lại được; nhưng có người tiếc như thế, cũng đủ tỏ ra là cái đạo của thánh-hiền có phần rất hay rất đẹp vậy.

THIÊN V

NHỮNG SÁCH CỦA KHỔNG-TỬ

Khổng-tử lúc trở về nước Lỗ, không cầu ra hành-chính nữa, ở nhà dạy học và san-định các sách-vở của cổ-nhân để lại. Ngài nói: *Ngô tự Vệ phản Lỗ, nhiên hậu Nhạc chính, Nhã Tụng các đắc kỳ sở* 吾自衛反魯, 然後樂正, 雅頌各得其所: ta từ nước Vệ trở về nước Lỗ, vậy sau kinh Nhạc mới chính và thiên Nhã, thiên Tụng, trong kinh Thi mới xếp-đặt đầu ra đây (Luận-ngữ: Tử-hân, IX). Chủ ý Ngài là muốn phát-huy cái đạo của thánh-hiền đời trước ra và đem mà dạy người, chứ không phải là tạo-tác ra cái đạo mới. Ngài nói rằng: «*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ, thiết tử ư ngã* 述而不作, 信而好古, 竊比於我老彭: thuật lại cái đạo của thánh-hiền mà tự mình không tạo-tác ra cái gì, tin mà thích đạo đời xưa, ta trộm ví như ông Lão Bành» (Luận-ngữ: Thuật-nhi, VII). Lão Bành là quan đại-phu giỏi đời nhà Thương, hay thuật lại những việc đời xưa, mà không làm ra cái gì mới lạ.

Cái đạo của thánh-hiền đời xưa ghi-chép ở cả trong những sách: *Dịch, Thư, Thi, Lễ, Nhạc*. Ngài xem kỹ những sách ấy, rồi giải-thích những chỗ khó hiểu, để phát-minh cái nghĩa sâu-xa ra, hoặc xếp-đặt lại cho rõ-ràng. Ngài lại làm ra bộ sách *Xuân-thu* để bày-tỏ những quan-niệm của Ngài về đường chính-trị. Sách của Ngài soạn ra tất cả có sáu bộ, đời sau gọi là lục Kinh 六經.

Sau khi Khổng-tử mất rồi, những sách ấy cũng đã mất mát đi ít nhiều, rồi đến đời nhà Tần, lại có việc đốt sách, thành thử các sách của Ngài phần thì lâu ngày mất đi, phần thì bị đốt hại, không còn được bao nhiêu. Đến đời nhà Hán, đạo Nho hưng-thịnh lên, vua sai tìm nhặt các sách, thì không tìm được quyển nào còn nguyên nữa. Nhất là kinh Nhạc thì mất gần hết, chỉ còn lại có một thiên, sau đem vào bộ Lễ-ký, đặt là thiên *Nhạc-ký*. Kinh Lễ cũng thiếu nhiều, bọn Hàn-nho mới đem phụ-họa thêm vào, để làm ra bộ Lễ-ký. Hiện nay những sách ấy tuy có sai-lạc đi nhiều, nhưng hậu-nho đã góp-nhặt và phụ-họa vào thành ra năm Kinh là: kinh *Dịch*, kinh *Thư*, kinh *Thi*, kinh *Lễ*, và kinh *Xuân-thu*.

Kinh Dịch. Dịch là sách tượng-số để bói toán xem cát-hung và lại là sách lý-học, giải-thích lẽ biến-hóa của trời đất và sự hành-động của muôn vật, tức là bộ sách rất trọng-yếu của Nho-giáo. Nguyên người Tàu về đời thượng-cổ tin rằng ở trong trời đất có lẽ âm, lẽ dương, lúc ẩn lúc hiện, không biết thế nào mà so lường được. Lẽ âm lẽ dương bất trắc ấy là quỷ-thần, thường can-thiệp đến việc lành việc dữ của người ta, cho nên khi có công - việc gì là phải bói để xem ý quỷ-thần. Cách bói thì dùng mai rùa gọi là *bốc* 卜 hay là dùng cỏ thì gọi là *phệ* 筮.

Vua Phục-hi (4477-4363 trước Tây-lịch kỷ-nguyên) nhân có Hà-dồ mới vạch thành ra quẻ. Lấy cái vạch liền _____ mà biểu-thị lẽ dương, và cái vạch đứt — — mà biểu-thị lẽ âm. Dương là cơ, âm là ngẫu. Mỗi cái vạch liền hay cái vạch đứt gọi là một *hào*. Xếp ba hào, hoặc vạch liền cả, hoặc vạch đứt cả, hoặc vạch liền xếp lẫn với vạch đứt, đặt thành ra *bát quái* 八卦 là: Kiền 乾 ☰ (trời), Đoài 兌 ☱ (đầm), Ly 離 ☲ (lửa), Chấn 震 ☳ (sấm), Tốn 巽 ☴ (gió), Khảm 坎 ☵ (nước), Cấn 艮 ☶ (núi), Khôn 坤 ☷ (đất). Tám quẻ ấy xếp theo thứ-tự như thế, gọi là: *Tiến thiên*

bát quái 先天八卦. Lấy mỗi quẻ trong tám quẻ ấy mà lần-lượt đặt chồng lên nhau, thành ra 64 quẻ. Mỗi quẻ có 6 hào, như Kiền ☰, Khôn ☷, Truân ☵, v. v. Ba vạch dưới là quẻ nội, ba vạch trên là quẻ ngoại.

Đến đời vua Hạ - Vũ (2205-2167 trước tây-lịch kỷ-nguyên) nhân có Lạc-thư mà đặt ra *Cửu trù* 九疇, để làm biểu lý với bát quái của vua Phục-hi. Những quẻ của vua Phục-hi là để vẽ các tượng âm-dương ra; những trù của vua Vũ, là để tính cái số ngũ hành là: Thủy 水 hỏa 火 mộc 木 kim 金 thổ 土.

Những quẻ Dịch đời trước để lại, chỉ vẽ ra thành quẻ mà không có văn - tự. Chắc là thuở ấy những người học Dịch chỉ học truyền miệng mà thôi, vì cái học ấy chính là cái học tâm - truyền. Mãi đến đời vua Văn - vương nhà Chu, khi Ngài phải giam ở ngục Dữu-lý (1144-1142), ngài mới diễn lại những quẻ Dịch mà đặt ra *Hậu thiên bát quái* 後天八卦 xếp theo thứ-tự như sau này: Kiền 乾 ☰ (cha), Khảm 坎 ☵ (trung-nam), Cấn 艮 ☶ (thiếu-nam), Chấn 震 ☳ (trưởng - nam), Tốn 巽 ☴ (trưởng-nữ), Ly 離 ☲ (trung-nữ), Khôn 坤 ☷ (mẹ), Đoài 兌 ☱ (thiếu - nữ). Ngài lại theo hình từng quẻ mà cắt-nghĩa cái toàn-ý cả quẻ ra, gọi là *Thoán-từ* 象辭 để định nghĩa cát-hung trong một quẻ. Đến đời con Ngài là Chu-công Đán lại cắt-nghĩa từng hào trong quẻ, gọi là *Hào-từ* 爻辭 để định nghĩa cát-hung trong một hào. Song sự học Dịch là sự học tâm-truyền, chỉ để người nọ truyền cho người kia mà thôi, cho nên những lời của Văn-vương và Chu-công dùng để cắt-nghĩa rất là vắn-tắt và có lắm câu ý-nghĩa xa-xôi lơ-lửng, thật khó hiểu. Ấy là kinh Dịch trước đời Khổng-tử chỉ có thế mà thôi.

Đại-đề, những quẻ Dịch là nhân sự biến-đổi của âm-dương mà đặt ra, để xem sự cát-hung, tất là chủ về sự bói

toán. Trong 64 quẻ Dịch đều nói cái lẽ cát-hung tiêu-trưởng và cái đạo tiến-thoái tồn-vong (吉凶消長之理, 進退存亡之道). Thánh-nhân đời trước hình như có ý đem những lẽ ấy mà xét sự thịnh-suy hay dở ở đời, để khuyên-răn người ta. Xem như quẻ Thái, quẻ Bĩ, quẻ Kiền, quẻ Giải, đều ngụ ý ấy cả. Trong quẻ nào cũng chỉ có âm-dương biến-hóa thay-đổi. Dương là biểu-hiệu chỉ Trời, chỉ quân-tử, chỉ cái mạnh, cái sáng, sự hay, đời thịnh; âm là biểu-hiệu chỉ đất, chỉ tiểu-nhân, chỉ cái yếu, cái tối, sự dở, đời suy. Âm-dương tức là hai cái tương-đối nhau để sinh-hóa trong vũ-tru. Cho nên xem Dịch thì phải hiểu rằng không bao giờ có cái gì là đơn-nhất tuyệt-đối: đạo âm không phải là bao giờ cũng tiểu-nhân, hễ có hại cho đạo dương, thì mới là tiểu-nhân, chứ giúp được cho đạo dương, thì lại là quân-tử; cũng như điều lợi không phải là bao giờ cũng bất thiện, hễ có hại cho điều nghĩa, thì mới là bất thiện.

Vậy nói Dịch là nói sự biến-đổi để theo đạo. Đạo ấy là nhân-nghĩa trung-chính: theo đạo ấy là theo lẽ phải, lẽ hay mà sửa mình, chứ không phải theo đạo ấy để làm những điều trái lẽ công-chính. Cho nên mới nói: « Dịch vi quân-tử mưu, bất vi tiểu-nhân mưu 易為君子謀, 不為小人謀: đạo dịch chỉ mưu cho người quân-tử, chứ không mưu cho kẻ tiểu-nhân ».

Đến đời Khổng-tử, Ngài mới theo những Thoán-tử của Văn-vương và Hào-tử của Chu-công, và lấy nhân-sự thiết-thực mà cắt-nghĩa thêm ra cho rõ, tức là *Thoán truyện* 彖傳 và *Tượng-truyện* 象傳. Giải cái tượng cả quẻ, gọi là *đại-tượng* 大象, giải cái tượng một hào, gọi là *tiểu-tượng* 小象. Ngài sợ rằng cắt nghĩa như thế chưa đủ. Ngài lại làm thêm những thiên: *Hệ-từ-truyện* 繫辭傳, *Văn-ngôn-truyện* 文言傳, *Thuyết-quái-truyện* 說卦傳, *Tự-quái-truyện* 序卦傳, *Tạp-quái-truyện* 雜卦傳, gồm tất cả là mười thiên, gọi là *Thập-dực* 十翼, hay là *Truyện* 傳. Ngài lại lấy nghĩa lý mà

phân kinh Dịch ra làm thượng hạ hai thiên, gọi là *Thượng-kinh* 上經 và *Hạ-kinh* 下經. Thượng-kinh thì đề quẻ Kiền, quẻ Khôn lên đầu, vì rằng Kiền và Khôn là bản-thỉ của âm và dương, tông-tổ của vạn vật (*Kiền Khôn giả âm dương chi bản thỉ, vạn vật chi tông 乾坤者陰陽之本始, 萬物之祖宗*). Hạ kinh thì đề quẻ Hàm, quẻ Hằng lên đầu, vì rằng Hàm và Hằng là mối đầu của nam-nữ, đạo của vợ chồng (*Hàm Hằng giả nam-nữ chi thỉ, phu-phụ chi đạo 咸恒者男女之始, 夫婦之道*): nhân-dạo do ở đó mà hưng-thịnh lên.

Từ đó, kinh Dịch có 2 thiên Kinh và 10 thiên Truyện, cả thảy là 12 thiên.

Trong những thiên Truyện, Khổng-tử giải-thích rõ-ràng các ý-nghĩa sâu-xa ở Kinh Dịch và phát-huy những tư-tưởng uyên-áo về tạo-hóa và những quan-niệm đặc-biệt về vũ-tru và vạn vật. Ngài lập thành cái nền lý-học của Nho-giáo. Về sau các nho-giả đời Tống đều sở-cứ vào kinh Dịch mà thiết-lập ra các học-thuyết rất có giá-trị. Khổng-tử nói: « *Phù Dịch khai vật, thành vụ, mạo thiên-hạ chi đạo, như tư nhi dĩ. Thị cổ thánh-nhân dĩ thông thiên-hạ chi chí, dĩ định thiên-hạ chi nghiệp, dĩ đoán thiên-hạ chi nghi 夫易開物, 成務, 冒天下之道, 如斯而已. 是故聖人以通天下之志, 以定天下之業, 以斷天下之疑: Dịch là để mở ra muôn vật, thành được mọi việc, trùm lên trên cái đạo của thiên-hạ, có thể mà thôi. Cho nên Thánh-nhân dùng đạo Dịch để thông được cái chí của thiên-hạ, định được công-nghiệp của thiên-hạ, đoán được cái ngờ của thiên-hạ* ».

Xét trong sách Chu-Lễ thì đời nhà Chu có quan Thái-bốc 太卜 coi tam Dịch: *Liên sơn Dịch* 連山易 là Dịch của nhà Hạ, lấy quẻ Cấn làm đầu; *Qui-tàng Dịch* 歸藏易 là Dịch của nhà Thương lấy quẻ Khôn làm đầu, và *Chu Dịch* 周易 là Dịch của nhà Chu, lấy quẻ Cấn làm đầu. Về sau Liên-sơn Dịch và Qui-tàng Dịch mất đi, chỉ còn lại có Chu

Dịch, tức là kinh Dịch truyền đến ngày nay. Vậy lúc đầu sách Dịch tuy có phần bí-truyền nói về đạo-lý, nhưng vẫn chủ việc bốc-phệ, rồi đến Khổng-tử mới giảng rõ thêm phần đạo-lý hơn trước. Nghĩa là từ đời trước đến đời Khổng-tử, thì tuy có dựa vào phần đạo-lý mà giáo-hóa, nhưng vẫn chuyên về phần bốc-phệ hơn; từ đời Khổng-tử về sau, thì dần có phần bốc-phệ, nhưng lại thiên-trọng về mặt đạo-lý hơn. Song, đại-đề bao giờ kinh Dịch cũng bao-hàm cả hai phần ấy, chỉ khác có một điều là về đời thượng-cổ, người ta hãy còn chất-phác, tri-lự chưa được mở-mang, cho nên thánh-nhân chỉ lấy việc bốc-phệ mà dạy người, để biết điều lành thì làm, điều giữ thì tránh. Về sau dần dần nhân-tri mở-mang ra, thánh-nhân tuy vẫn lấy bốc-phệ để khiến người ta quyết-định về việc nên làm hay không, nhưng lại bởi đó mà đem nghĩa-lý sâu-xa giảng-dạy cho người ta hiểu để làm điều thiện. Trước sau tuy hình - thức có khác nhau, nhưng tinh - thần vẫn là một. Có một điều ta nên biết, là bao giờ trong kinh Dịch vẫn không bỏ bốc-phệ, vì rằng người đời xưa vốn có lòng tín-ngưỡng về lẽ Trời và người ta cảm-ứng với nhau (天人感應之理). Cái lẽ ấy là nguyên-ủy của Nho-giáo, cho nên những ý-nghĩa tinh-vi như chữ *nhân* 仁, chữ *trung* 中, chữ *thành* 誠, và thuyết tính thiện đều căn - nguyên ở lẽ ấy mà ra cả. Học-giả về sau hoặc có người nệ về thuật-số, chỉ chú ý về việc bói-toán, như tính Thái-ất, xem số Hà-lạc v. v... bỏ không xét đến cái phép hoằng-thông giản-dị của đạo Dịch, hoặc có người vì khinh việc bốc-phệ mà chỉ chuyên-trị về mặt nghĩa-lý, chìm-dắm vào cỏi hư-vô tịch - mịch, trái với đạo nhân - nghĩa trung - chính, đều là không hiểu cái ý của thánh-nhân cốt tùy thời mà lập giáo. Tùy thời mà thuận, tùy thời mà chống lại, chữ *thời* 時 phải có đủ hai nghĩa ấy. Bởi thế cho nên mới nói: « Dịch đạo chỉ thị thời 易道只是時: đạo Dịch chỉ có chữ thời mà thôi ». Có hiểu được chữ thời thì mới hiểu được đạo Dịch.

Khổng-tử học Dịch mất nhiều công-phu lắm. Khi Ngài đã già, Ngài xem kinh Dịch đến ba lần đứt lẽ, mới làm ra vào thiên Truyện (*Khổng - tử vân nhi học Dịch, độc chi vi bất tam tuyệt, nhi vi chi Truyện 孔子晚而學易, 讀之韋編三絕, 而爲之傳*). Thế mà Ngài còn nói: « Gia ngã số niên, tốt (1) dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hỹ 加我數年, 卒以學易, 可以無大過矣: giá cho ta thêm được mấy năm nữa... để ta học Dịch cho trọn - vẹn, thì khả dĩ không có điều làm lớn vậy ». (*Luận-ngữ: Học-nhi, VII*). Một bộ sách mà thánh-nhân đã phải dụng tâm đến như thế và cho là khó hiểu như thế, tất là có bao nhiêu tư-tưởng kỳ-diệu, ta nên biết và đừng lấy làm khinh-thường.

Kinh Thư. Kinh thư là bộ sách chép những *điền, mó, huấn, cáo, thẻ, mệnh*, của vua tôi dạy-bảo khuyên-răn nhau, từ đời vua Nghiêu vua Thuấn cho đến đời Đông-Chu. Sách ấy là một bộ sử rất có giá-trị, khiến cho hậu-thế có thể biết được tư-tưởng của cổ-nhân về đạo-lý, chế-độ và phép-tắc từ đời nọ qua đời kia, hiểu được sự tiến-hóa của dân-tộc Tàu từ từ từ mỗi đời một khác.

Nhưng vì kinh Thư bị nhà Tần đốt mất, đến đời nhà Hán mới có quan bác-sĩ đời nhà Tần là Phục-sinh (có người nói là con gái ông ấy) nhờ thuộc lòng đọc được hai-mươi-chín thiên. Sau ở nước Lỗ lại tìm được ở trong vách nhà Khổng - tử một tập hai-mươi-năm thiên, viết bằng chữ cổ. Những thiên của Phục-sinh đọc ra, gọi là kim-văn, những thiên tìm được gọi là cổ-văn. Về sau quan bác-sĩ là Khổng An-Quốc, đời Đông-Hán, xếp cả kim-văn lẫn cổ-văn làm thành ra kinh Thư truyền đến ngày nay.

(1) Trong chính-văn viết là: 加我數年, 五十以學易... xét ra khi Ngài về nước Lỗ, định lại kinh Dịch, thì Ngài đã gần 70 tuổi, vậy chữ *ngũ-thập* 五十 ở đây không có nghĩa. Chắc là chữ *tốt* 卒 người ta chép lầm ra chữ *ngũ-thập* 五十. Các bản đều chú-thích như thế cả.